

*Trụ sở chính: Số 01 Lê Văn Hiến, Thành phố Đà Nẵng*

*Điện thoại: 84-(511) 384 74 08 Fax: 84-(511) 383 61 95*

*Email: [hanhchinh@drc.com.vn](mailto:hanhchinh@drc.com.vn)*

*Website: [www.drc.com.vn](http://www.drc.com.vn)*



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013



# Thông điệp

## Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa quý cổ đông,

Năm 2013 tình hình Thế giới và trong khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khủng hoảng tài chính kéo dài, kinh tế thế giới phục hồi chậm, khủng hoảng chính trị xảy ra ở nhiều nơi... đã tác động bất lợi đến kinh tế - xã hội nước ta. Tuy nhiên, bất chấp những khó khăn chung của nền kinh tế; trong điều kiện vừa tổ chức sản xuất, vừa thực hiện công tác di dời, vừa đầu tư mở rộng, Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng đã phát huy truyền thống đoàn kết, không ngừng vượt khó đi lên, nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra và hoàn thành vượt mức 20% kế hoạch lợi nhuận năm 2013.

Bằng sự quản lý, chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, sự hợp tác và hỗ trợ nhiệt thành của cổ đông, của quý khách hàng, của các đối tác, các nhà đầu tư đã giúp cho chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Việc mã chứng khoán DRC tiếp tục được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xếp vào Top 30 cổ phiếu có vốn hóa thị trường và tính thanh khoản cao nhất trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam một lần nữa đã chứng minh điều đó!

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng, tôi xin trân trọng gửi đến toàn thể CBCNV, quý khách hàng, các đối tác và các cổ đông lời chúc sức khỏe và lòng biết ơn sâu sắc vì sự tin tưởng, hỗ trợ mà quý vị đã dành cho chúng tôi trong thời gian qua.

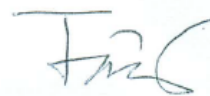
Năm 2014 dự kiến vẫn còn nhiều khó khăn và sẽ là năm mở ra cho DRC nhiều cơ hội và thử thách mới, đặc biệt khi Công ty đưa vào khai thác Nhà máy sản xuất lốp radial. Là Công ty tiên phong trong việc đưa sản phẩm lốp radial mang thương hiệu DRC-Việt Nam ra thị trường trong và ngoài nước, điều này sẽ là cơ hội giúp Công ty tăng doanh thu và mở rộng thị phần. Mặt khác, đây cũng là một áp lực rất lớn đối với Công ty trước sự cạnh tranh gay gắt của thị trường nội địa lẫn xuất khẩu.

Việc nhà máy mới đi vào hoạt động, công suất khai thác chưa cao sẽ ảnh hưởng phần nào đến kết quả kinh doanh chung và quyền lợi của cổ đông. Tuy nhiên, DRC cam kết sẽ nỗ lực không ngừng để khai thác hiệu quả dự án mới đồng thời duy trì tăng trưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho Quý cổ đông.

Chúng tôi với nhiệt huyết và tinh thần đoàn kết, năng động sáng tạo của Tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty quyết không phụ niềm tin của quý vị cổ đông và hy vọng rằng quý vị sẽ tiếp tục đồng hành để chúng ta cùng vững bước trên con đường hướng đến tương lai, nâng thương hiệu DRC lên một tầm cao mới, phấn đấu không ngừng để tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, đóng góp ngày càng nhiều cho xã hội.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào quý vị!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Vũ Nhất Tâm

# MỤC LỤC

## GIỚI THIỆU CÔNG TY

06

- 06 Thông tin khái quát
- 07 Mục tiêu và định hướng tương lai
- 08 Lịch sử hình thành và phát triển
- 10 Vị thế của Cao su Đà Nẵng trong ngành
- 11 Giải thưởng tiêu biểu
- 12 Địa bàn hoạt động, Sản phẩm tiêu biểu
- 15 Mô hình quản trị, tổ chức, bộ máy quản lý
- 18 Rủi ro

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

20

- 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 23 Tổ chức và nhân sự
- 34 Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- 37 Công ty con, công ty liên kết
- 38 Tình hình tài chính
- 41 Thông tin cổ đông

## BÁO CÁO BAN TGD

44

- 46 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 54 Tình hình tài chính
- 55 Phương hướng nhiệm vụ tương lai

## BÁO CÁO HĐQT

58

- 60 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 63 Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc
- 63 Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2014

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

64

- 66 Hội đồng quản trị
- 68 Ban Kiểm soát
- 71 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT
- 73 Các hoạt động liên quan

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

75

- Báo cáo tài chính kiểm toán

*Đà Nẵng, 2013*



Tên công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG**

Tên tiếng Anh: **DANANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt **DRC**

Logo 

Vốn điều lệ **830.738.490.000 đồng**

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400101531( số cũ 3203000850) được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2005 và lần thay đổi lần thứ 08 vào ngày 06/06/2013.

Mã CP: DRC

Tỷ lệ sở hữu Nhà nước: **50,51%**

Trụ sở chính **Số 01 Lê Văn Hiến, TP. Đà Nẵng**

Điện thoại (0511) 3 847 408

Fax (0511) 3 836 195

Website [www.drc.com.vn](http://www.drc.com.vn)

Email [hanhchinh@drc.com.vn](mailto:hanhchinh@drc.com.vn)

## **LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG**

### **Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su và vật tư thiết bị cho ngành công nghiệp cao su; kinh doanh thương mại, kinh doanh tổng hợp
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp; chế tạo; lắp đặt thiết bị ngành CN Cao su.



## Mục tiêu và định hướng phát triển

Đối với lốp bias (sợi mảnh nylon) tập trung ổn định chất lượng, từng bước nghiên cứu cải thiện nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm bằng các biện pháp tăng cường công tác quản lý. Đặc biệt chú trọng lốp đặc chủng (OTR) là thế mạnh riêng của Công ty, cần tiếp tục phát huy năng lực sản xuất và mở rộng thị trường.

Đối với lốp Radial toàn thép (sợi mảnh thép), tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh và phát huy công suất Nhà máy sản xuất lốp Radial 600.000 lốp/năm. Đẩy mạnh công tác tiêu thụ nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Dòng sản phẩm mới này được xác định là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của DRC trong tương lai.

Kết hợp tốt việc di dời với đẩy mạnh sản xuất tăng sản lượng, bảo đảm không gây biến động lớn đến thị trường trong quá trình di dời, đồng thời tạo ra môi trường làm việc mới tốt đẹp hơn cho người lao động và cho Công ty.

Phân đầu đảm bảo mức chia cổ tức hàng năm cao hơn lãi suất tiết kiệm ngân hàng từ 5-10%. Đảm bảo thu nhập cho người lao động ổn định và tăng theo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.





**1975**

12/1975 Nhà máy cao su Đà Nẵng ra đời, tiền thân từ một xưởng đắp vỏ xe ô tô của quân đội chính quyền Sài Gòn trước 30/4/1975

26/05/1993 Chuyển thành công ty Cao su Đà Nẵng theo Quyết định 320/QĐ/TCNSĐT ngày 26/5/1993 của Bộ Công Nghiệp Nặng

**2005**

10/10/2005 Công ty Cao su Đà Nẵng được chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng theo Quyết định số 3241/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp

**2006**

01/01/2006 Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ là: 49.000.000.000 đồng

**2006**

29/12/2006 Chính thức niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với vốn điều lệ 92.475.000.000 đồng.

**2007**

28/05/2007 Niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức, nâng tổng số vốn điều lệ lên 130.385.520.000 đồng



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

05/08//2008 Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông và niêm yết bổ sung, vốn điều lệ lên: 153.846.240.000 đồng **2008**

6/2010 Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 307.692.480.000 đồng **2010**

6/2011 Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 461.538.650.000 đồng Nhận Huân chương độc lập Hạng 3 **2011**

6/2012 Phát hành cổ phiếu thường và cổ phiếu chi trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 692.289.450.000 đồng **2012**

Tăng vốn điều lệ lên 830.738.490.000 đồng Đưa vào khai thác nhà máy lớp Radial toàn thép đầu tiên tại Việt Nam, giai đoạn 1 công suất 300.000 lớp/năm **2013**

## Vị thế của Cao su Đà Nẵng trong ngành

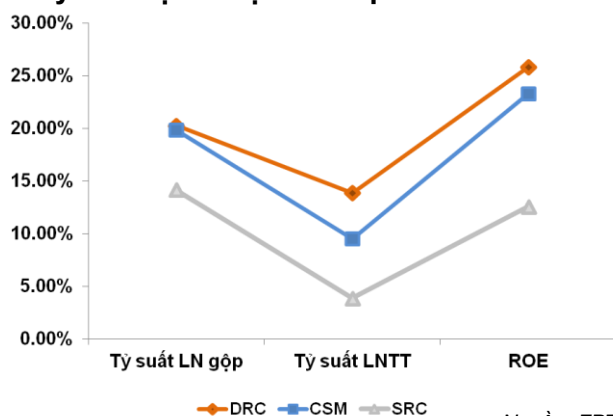
**Quy mô và thị phần:** Trong 3 doanh nghiệp sản lốp niêm yết thì Cao su Đà Nẵng hiện nay đứng đầu về tổng tài sản và đứng thứ 2 về tổng doanh thu.

Phân khúc sản phẩm chính là Lốp xe tải nhẹ, xe tải nặng và lốp đặc chủng (OTR). DRC là doanh nghiệp nội địa đầu tiên đưa vào hoạt động nhà máy lốp Radial toàn thép với tổng vốn đầu tư khoảng 2.900 tỷ đồng.

Xét trong thị trường nội địa, theo thống kê không chính thức thì DRC chiếm 25% thị phần tất cả các dòng sản phẩm sản lốp và nằm trong top 3 các doanh nghiệp chiếm thị phần cao nhất đối với dòng lốp ô tô tải (chiếm khoảng 13% thị phần).

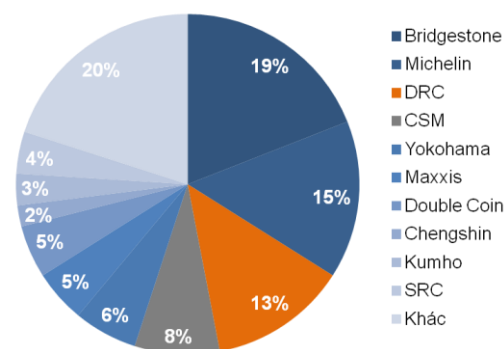
**Về công suất sản xuất lốp ô tô:** hiện nay trong 3 doanh nghiệp sản lốp niêm yết, DRC đứng thứ 2, đạt khoảng 780.000 lốp/năm dự kiến sẽ nâng lên 1.380.000 lốp/năm từ đóng góp của nhà máy Radial. Casumina đạt khoảng 1,2 triệu lốp/năm, Cao su Sao Vàng đạt 500.000 lốp/năm. Nếu so với các doanh nghiệp FDI như Kumho (3,3 triệu lốp/năm) và Bridgestone (đang xây nhà máy 6,5 triệu lốp/năm) thì công suất của 3 doanh nghiệp niêm yết vẫn còn khá khiêm tốn. Tuy nhiên phần lớn sản phẩm (90%) của các doanh nghiệp này phục vụ cho xuất khẩu.

**Tỷ suất lợi nhuận bình quân 2010-2013**



Nguồn: FPTIS tổng hợp

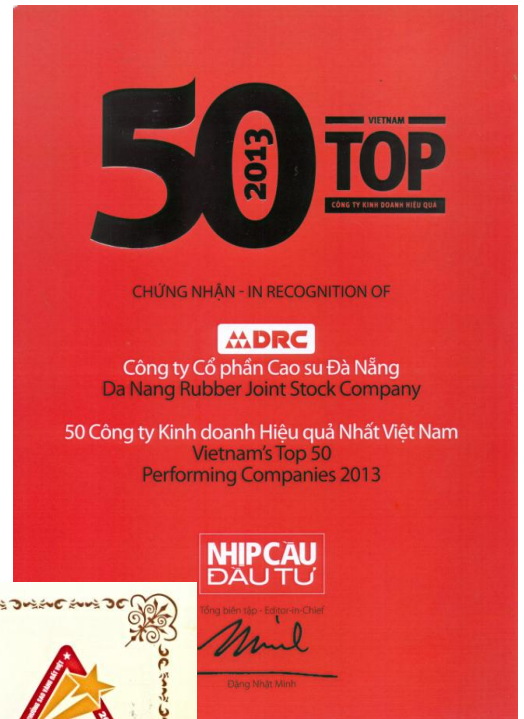
**Thị phần ô tô tải nội địa**



**Hiệu quả kinh doanh:** Với thế mạnh trong phân khúc lốp ô tô tải (dòng lốp có tỷ suất lợi nhuận cao) đã giúp cho DRC đạt hiệu quả kinh doanh tốt hơn các doanh nghiệp còn lại trong ngành. Trong 3 năm qua luôn duy trì mức tỉ suất lợi nhuận khá cao: tỷ suất lãi gộp đạt 19%, tỷ suất LNTT đạt 13%, ROE đạt 28,5%. Điều này đã tạo nên lợi thế cạnh tranh lớn cho công ty đối với doanh nghiệp trong nước cũng như các sản phẩm nhập khẩu.



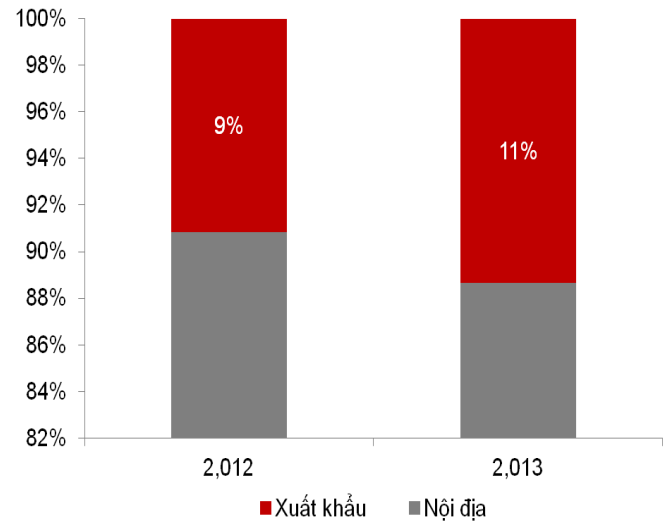
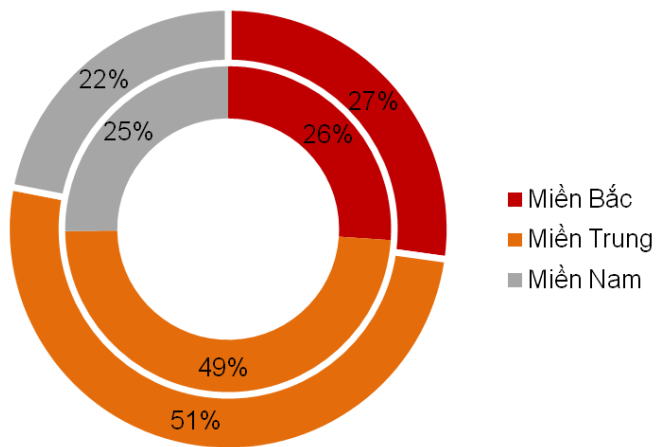
# Giải thưởng tiêu biểu



## Địa bàn hoạt động

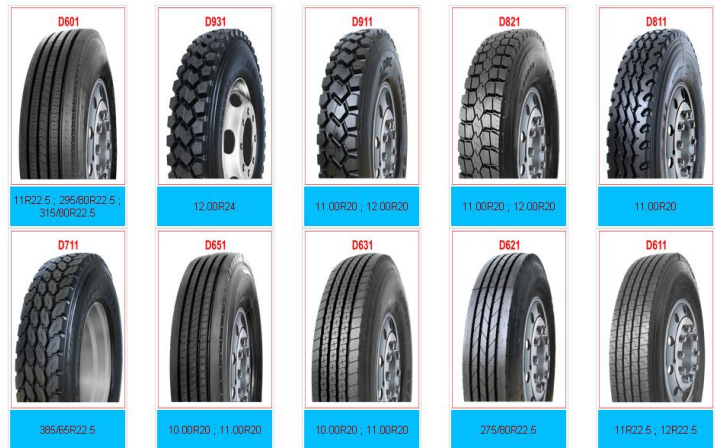
Cơ cấu doanh thu theo vùng miền: miền Trung vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất (chiếm 50%) trong cơ cấu doanh thu của công ty trong các năm qua,

Xuất khẩu trong năm qua đã gia tăng từ 9% lên 11% trong tổng doanh thu.



## Sản phẩm tiêu biểu

### Lốp Radial



### Lốp ô tô tải



### Lốp đặc chủng



## Lốp xe máy



## Lốp xe đạp



## Năng lực sản xuất và nguồn nguyên liệu

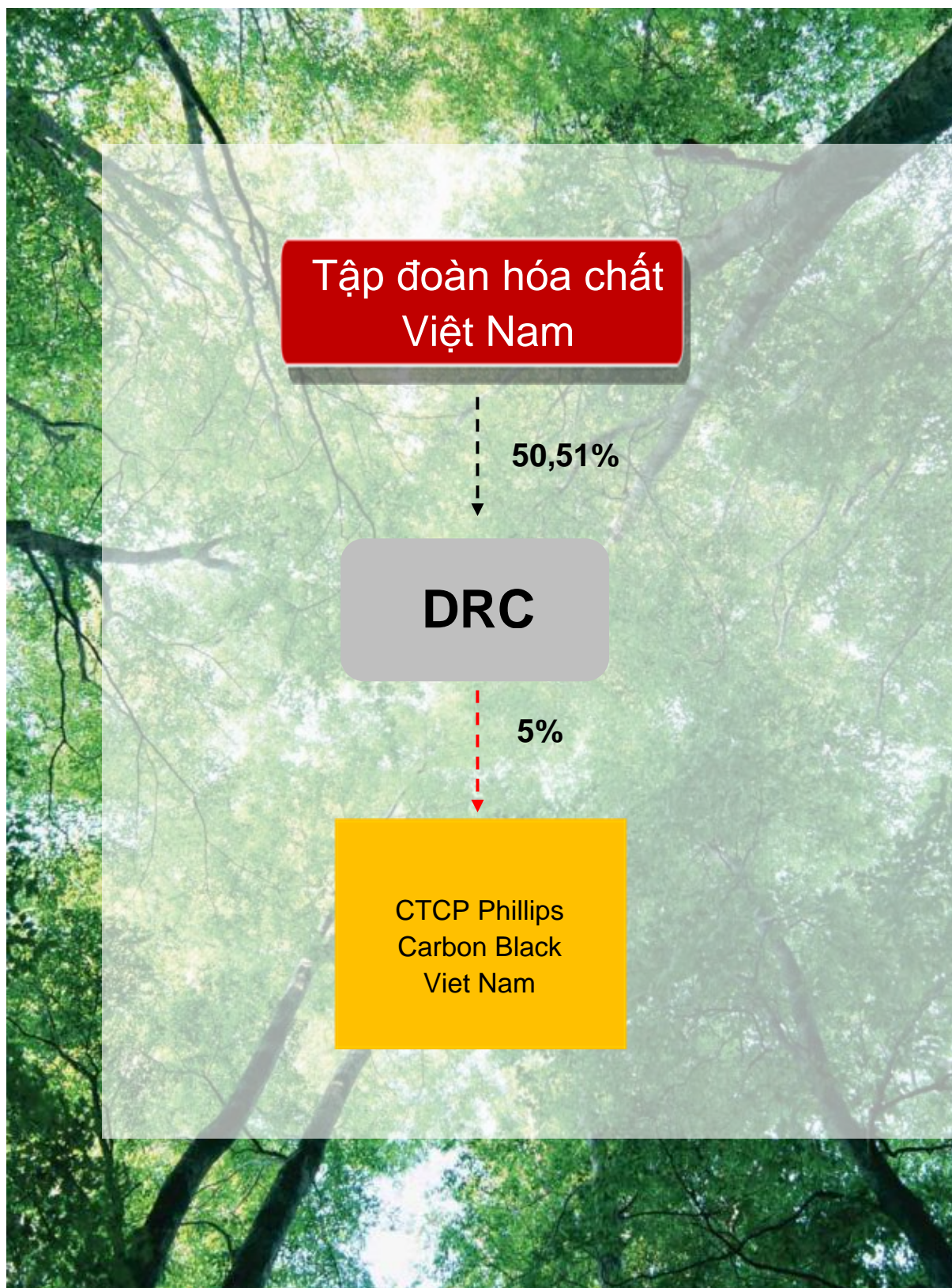
Sản phẩm	Công suất (chiếc/năm)
Lốp radial	300.000(*)
Lốp ô tô	700.000
Săm ô tô	500.000
Yếm ô tô	400.000
Lốp xe máy	2.000.000
Săm xe máy	2.000.000
Lốp xe đạp	5.000.000
Săm xe đạp	5.000.000
Lốp đấp	40.000

(\*) Công suất giai đoạn 1

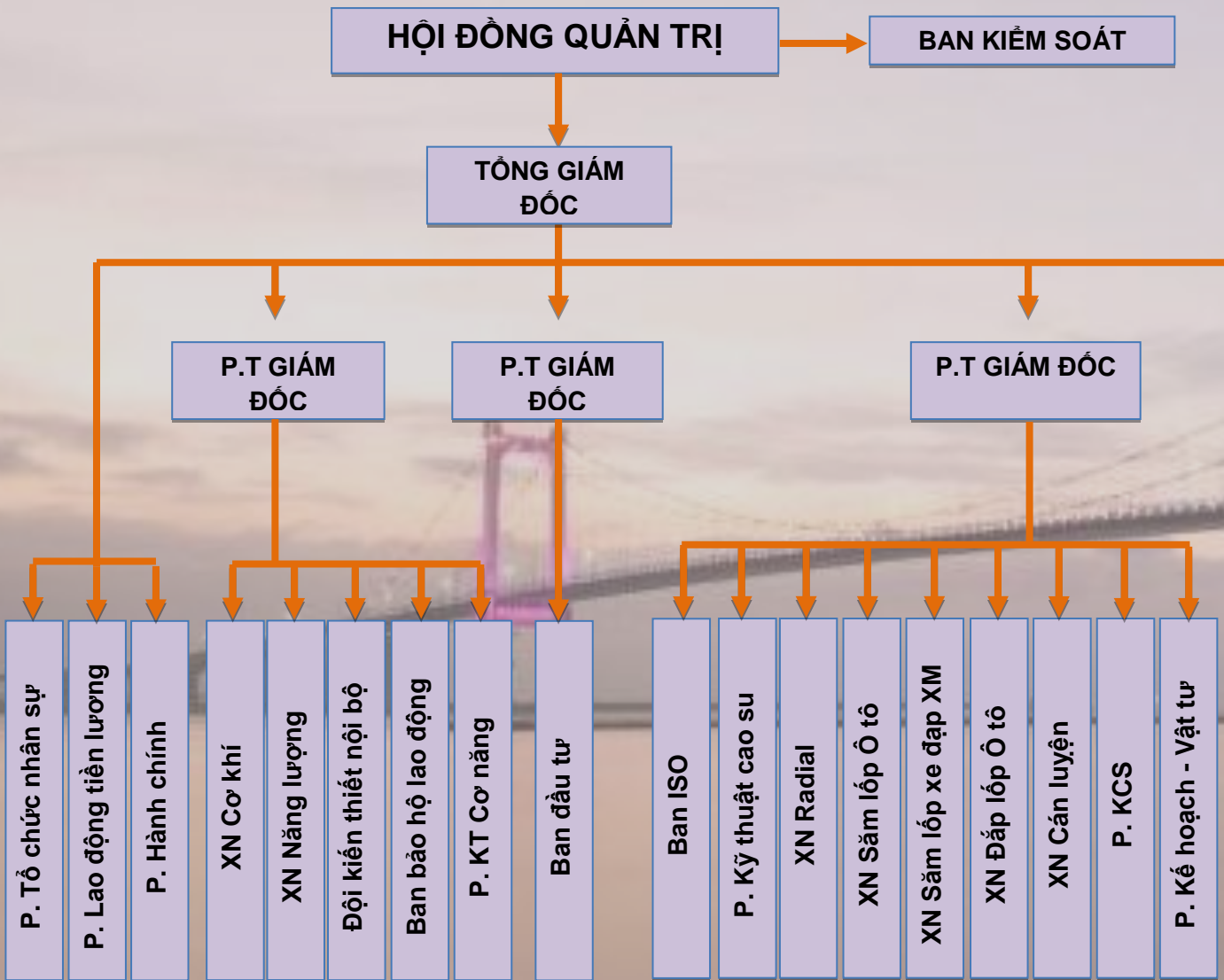
Nguyên liệu	Nguồn cung cấp	Tỷ trọng
Cao su thiên nhiên	Trong nước	40-45%
Cao su tổng hợp	Nhập khẩu	12-17%
Vải mảnh	Nhập khẩu	14-18%
Than đen	Nhập khẩu	7-10%
Thép tanh	Nhập khẩu	2-3%
Hóa chất khác	Trong nước & Nhập khẩu	14%

Nguồn: DRC

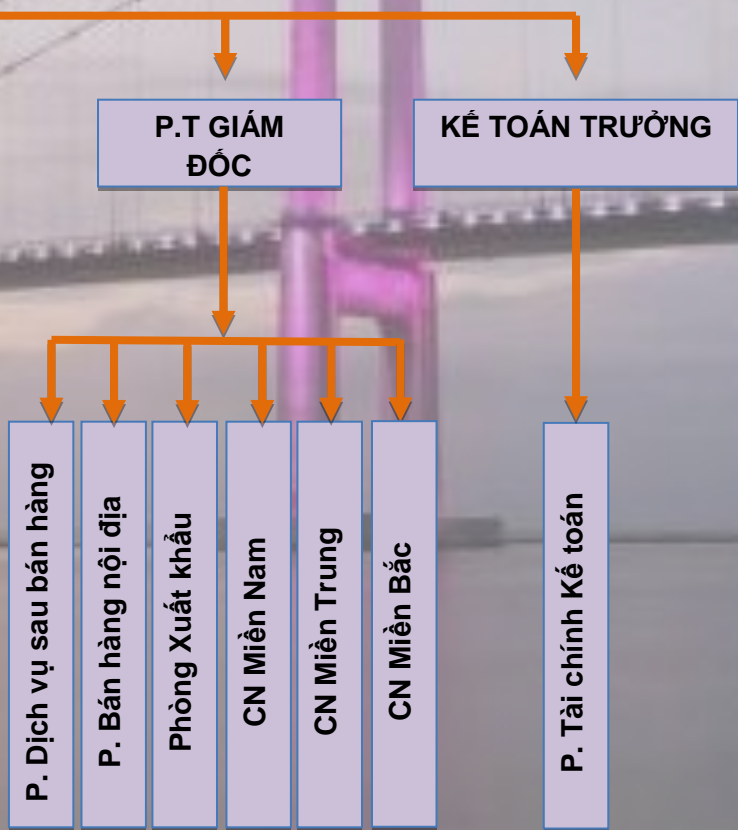
## Mô hình quản trị, tổ chức, bộ máy quản lý



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC







### **Rủi ro kinh tế**

Ngành săm lốp luôn gắn liền với tăng trưởng của nền công nghiệp ô tô, trong khi đó một nền kinh tế có sức khỏe tốt, phát triển ổn định sức cầu ô tô duy trì ở mức cao thì nền công nghiệp ô tô mới có thể tăng trưởng bền vững. Đây là các mắc xích quan trọng tác động đến tình hình kinh doanh của ngành săm lốp.

Triển vọng kinh tế dài hạn thường có nhiều yếu tố biến động khó xác định. Khi xuất hiện những biến động trong chỉ số kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng ngay đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và nhu cầu tiêu thụ ô tô giảm mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành săm lốp nói chung và của Cao su Đà Nẵng nói riêng.

### **Rủi ro về giá nguyên vật liệu**

Cao su thiên nhiên chiếm từ 40-45% tổng chi phí nguyên vật liệu của DRC. Vì vậy biến động giá cao su tác động trực tiếp đến tỷ suất lợi nhuận của DRC. Mặc dù Việt Nam là nước có diện tích trồng cao su và sản lượng cao su xuất khẩu lớn thứ 4 thế giới nhưng vẫn bị phụ thuộc rất nhiều vào giá cao su thiên nhiên trên thế giới. Bên cạnh cao su thiên nhiên thì cao su tổng hợp cũng là một thành phần quan trọng trong cấu thành săm lốp. Mặt hàng này DRC hoàn toàn phải nhập khẩu, trong khi đó giá cả sản phẩm này biến động theo giá dầu, một sản phẩm có giá cả thường xuyên thay đổi và nằm ngoài tầm kiểm soát của công ty.

Thực tế cho thấy trong xu hướng tăng dài hạn của giá cao su thiên nhiên giai đoạn 2009-2011 đã làm cho tỷ suất lợi nhuận gộp của công ty giảm liên tục qua các năm (hình bên). Trong 2 năm qua nhờ giá nguyên liệu cao su duy trì ở mức thấp trong thời gian dài đã giúp cho DRC nói riêng và các doanh nghiệp ngành săm lốp trong nước nói chung đều được hưởng lợi và giúp cho công ty nâng cao được kết quả kinh doanh của mình, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận.

Chính vì vậy, rủi ro nguyên vật liệu luôn là vấn đề đáng quan tâm của công ty trong thời gian tới.

### **Rủi ro cạnh tranh**

Tâm lý ưa chuộng hàng ngoại của người tiêu dùng là rào cản lớn đối với DRC nói riêng và ngành săm lốp Việt Nam nói chung trên con đường duy trì và nâng cao thị phần trong nước đặc biệt là dòng lốp ô tô. Cụ thể, các dòng lốp ô tô tải bias (vải mảnh) và lốp radial toàn thép của công ty đã và sẽ cạnh tranh trực tiếp với các sản phẩm ngoại nhập của Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, HanKook,... Ngoài ra, công ty cũng đang cạnh tranh với các loại sản phẩm giá rẻ, không đạt chất lượng được nhập khẩu từ khu vực (đặc biệt là Trung Quốc) vào Việt Nam.

### **Rủi ro về tỷ giá**

Hiện nay các sản phẩm của DRC không chỉ đáp ứng nhu cầu nội địa mà còn xuất khẩu đến nhiều nước tại Đông Nam Á, Nam Mỹ,... do đó rủi ro tỷ giá tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Ngoài việc sử dụng cao su thiên nhiên trong nước thì các loại hóa chất và cao su tổng hợp hiện nay DRC đều phải nhập khẩu, vì vậy biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến chi phí nguyên vật liệu của công ty. Ngoài ra, về định hướng lâu dài của DRC đối với sản phẩm radial là xuất khẩu khoảng 30-35% vì vậy biến động tỷ giá cũng sẽ ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty.

### **Rủi ro về lãi suất**

Dự án Radial tỷ lệ vay chiếm 70%, vì vậy mọi biến động lãi suất sẽ tác động đến chi phí lãi vay hàng năm của công ty.

### **Rủi ro của dự án nhà máy Radial**

Với tổng mức đầu tư khá lớn cho dự án, việc giải quyết bài toán đầu ra cho nhà máy radial là một vấn đề rất quan trọng đối với sự tăng trưởng của DRC trong thời gian tới. Mặc dù nhu cầu hiện đang vượt cung nhưng trong giai đoạn đầu sản phẩm Radial cần có thời gian để thị trường đánh giá chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, các chi phí về khấu hao, chi phí nhân viên, chi phí vận hành cũng sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông





*Da Nang, 2013*



## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2013	So sánh (%)	
				TH 2012	KH 2013
1	Giá trị SXCN	tỷ	3.085	108	104
2	Doanh thu tiêu thụ	//	2.911	101	104
3	Xuất khẩu	tr USD	15,5	129	103
4	Nộp ngân sách	tỷ	287	102	120
5	Lợi nhuận trước thuế	//	500,6	120	106
6	Sản lượng tiêu thụ				
6.1	Lốp xe đạp	1.000 chiếc	3.705	107	103
6.2	Săm xe đạp	//	4.342	101	97
6.3	Lốp xe máy	//	1.136	101	98
6.4	Săm xe máy	//	3.216	114	97
6.5	Lốp ô tô, máy kéo	//	757	107	102
6.6	Săm ô tô	//	615	119	104
6.7	Yếm ô tô	//	427	107	103
6.8	Lốp ô tô Radial	//	15	-	-
6.9	Săm ô tô Radial	//	11	-	-
7.0	Yếm ô tô Radial	//	10,5	-	-
7.1	Lốp ô tô đắp	//	39	74	93
7.2	Cao su kỹ thuật	tỷ	5,5	112	110

Trong năm qua sản lượng tiêu thụ của công ty đạt tăng trưởng tốt so với 2012. Cụ thể, mức tăng cao nhất thuộc về săm ô tô (tăng 19%), săm xe máy tăng 14%, lốp ô tô, máy kéo tăng 7%, lốp xe đạp tăng 7%.

Doanh thu đạt 104% và LNTT vượt 6% kế hoạch được giao.

Kim ngạch xuất khẩu tăng 29% so với 2012. Đóng góp lớn nhất vào mức tăng trưởng doanh thu xuất khẩu là từ nhóm lốp xe đạp (tăng 61%), lốp xe máy (tăng 398%), săm ô tô (tăng 62%), yếm ô tô (tăng 88%). Ngoài ra, trong năm công ty cũng đã đưa ra tiêu thụ sản phẩm lốp Radial toàn thép, đóng góp 78,9 tỷ đồng doanh thu.



## Tổ chức và nhân sự

Họ tên	Chức danh	Năm sinh
<b>1. Hội đồng quản trị</b>		
Vũ Nhất Tâm	Chủ tịch	1960
Đình Ngọc Đạm	Thành viên	1954
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	1960
Nguyễn Mạnh Sơn	Thành viên	1960
Hà Phước Lộc	Thành viên	1968
Hoàng Mạnh Thắng	Thành viên	1975
Phạm Ngọc Phú	Thành viên	1957
<b>2. Ban Giám Đốc</b>		
Đình Ngọc Đạm	Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm ngày 01/01/2014)	1954
Nguyễn Thanh Bình	Phó TGD phụ trách Ban TGD (bổ nhiệm ngày 01/01/2014)	1960
Nguyễn Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	1960
Hà Phước Lộc	Phó Tổng Giám đốc	1968
Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	1956
<b>3. Ban Kiểm Soát</b>		
Nguyễn Thị Vân Hoa	Trưởng ban kiểm soát	1974
Phạm Ngọc Bách	Thành viên	1956
Võ Đình Thanh	Thành viên	1957

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ông Vũ Nhất Tâm

Chức vụ hiện tại	:	Chủ tịch HĐQT
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	18/01/1960
Nơi sinh	:	Hà Nội
Địa chỉ thường trú	:	P210, D5A Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại	:	04.38266205 hoặc 0904349930
Trình độ văn hoá	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư mỏ; Cao đẳng quản lý Nhà nước, Thạc sỹ Luật
<b>Quá trình công tác</b>	:	
Từ tháng 4/1984 đến 1987	:	Kỹ sư, Phó Quản đốc xí nghiệp Đá Chẹ, Ba Vì, Hà Nội
Từ 1987 đến 1989	:	Kỹ sư mỏ Công ty thiết kế mỏ hóa chất, Tổng cục Hóa chất
Từ 1989 đến 1991	:	Học viên trường Hành chính Trung ương (Học viện Hành chính Quốc gia)
Từ 1991 đến 1999	:	Phó văn phòng Tổng Công ty khoáng sản Việt Nam
Từ 1999 đến 2003	:	Chuyên viên chính, Vụ pháp chế Bộ Công nghiệp Tập đoàn Hóa chất Việt nam - Trưởng ban tổ chức nhân sự Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Từ 2003 đến nay	:	Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Đà Nẵng
Số cổ phần nắm giữ (14/03/2014)	:	20.000 cổ phiếu – Tỷ lệ 0,02%
Tỷ lệ đại diện phần vốn Nhà nước	:	25,5%
Người liên quan	:	Vợ: Nguyễn Thị Hương, nắm giữ: 16.354 CP Tỷ lệ 0,019%

### Ông Đinh Ngọc Đạm

Chức vụ hiện tại	:	Tv.HĐQT
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	01/01/1954
Nơi sinh	:	Quảng Nam
Địa chỉ thường trú	:	42 Hồ Xuân Hương, Đà Nẵng
Trình độ văn hoá	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Công nghệ cao su, đào tạo tại Nga
<b>Quá trình công tác</b>	:	
1979 - 1990	:	Quản đốc phân xưởng Công ty cao su Đà Nẵng
1991 - 1993	:	Phó Tổng giám đốc công ty liên doanh SOVIETCOM
1994 - 2001	:	Phó giám đốc Công ty cao su Đà Nẵng
2001 - đến nay	:	Tv. HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần cao su Đà Nẵng
Số cổ phần nắm giữ (14/03/2014)	:	455.001 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,55%
Tỷ lệ đại diện phần vốn Nhà nước	:	0 cp
Người liên quan	:	Vợ: Lê Thị Hồng Hạnh - Sở hữu 9 cp Tỷ lệ 0,00001%



## **Ông Nguyễn Mạnh Sơn**

Chức vụ hiện tại : Tv.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 10/10/1960  
Nơi sinh : Xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình  
Địa chỉ thường trú : 402 Ngô Quyền, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại : 0511 3836 198 - 0913 403 630  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, kỹ sư hóa

**Quá trình công tác** :

1984 - 1993 : Làm việc tại Công ty cao su Đà Nẵng  
1993 - 2002 : Phó giám đốc Xí nghiệp Săm lốp Ô tô  
2002 - 2006 : Giám đốc Xí nghiệp Săm lốp Ô tô  
2006 - đến nay : Tv.HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty  
Số cổ phần nắm giữ (14/03/2014) : 23.212 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,028%  
Tỷ lệ đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cp  
Người liên quan : Vợ: Phạm Thị Thu Hà  
Sở hữu 4.698 cp - Tỷ lệ: 0,01%

## **Ông Nguyễn Thanh Bình**

Chức vụ hiện tại : Tv.HĐQT kiêm Phó TGD phụ trách Ban TGD  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 07/10/1960  
Nơi sinh : Vinh, Nghệ An  
Địa chỉ thường trú : Tổ 32 Khuê Mỹ, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng  
Điện thoại : 0511 3950 259  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kỹ thuật

**Quá trình công tác** :

1983 - 1990 : Nhân viên thiết kế - Phòng kỹ thuật Công ty cao su Đà Nẵng  
1990 - 12/2001 : Giám đốc chi nhánh Công ty liên doanh SOVIETCOM  
12/2001 - 2/2006 : Trưởng phòng Đầu tư - Phát triển Công ty cao su Đà Nẵng  
3/2006 - đến nay : Tv.HĐQT kiêm Phó TGD phụ trách Ban TGD  
Số cổ phần nắm giữ (14/03/2014) : 231.740 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,28%  
Tỷ lệ đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cp  
Người liên quan : Vợ: Bà Dương Minh Hoa  
Sở hữu 8.682 cp – Tỷ lệ: 0,01%

## **Ông Hà Phước Lộc**

Chức vụ hiện tại : Tv. HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 28/12/1968  
Nơi sinh : Xã Điện An, Huyện Điện Bàn, Quảng Nam  
Địa chỉ thường trú : Tổ 31 Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng  
Điện thoại : 0511 3950 824  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác** :

1990 - 1991 : Nhân viên Phòng tài vụ Công ty Cao su Đà Nẵng  
1991 - 1995 : Thống kê Xí nghiệp Xe đạp - Xe máy  
1995 - 1997 : Cán bộ thị trường Chi nhánh Công ty cao su Đà Nẵng - Hồ Chí Minh  
1997 - 2001 : Giám đốc Chi nhánh Công ty Cao su Đà Nẵng - Hồ Chí Minh  
2001 - 2002 : Giám đốc Chi nhánh Công ty cao su Đà Nẵng - HCM kiêm Phó phòng kế hoạch tiêu thụ  
2002 - 2005 : Trưởng phòng Kế hoạch tiêu thụ Công ty Cao su Đà Nẵng  
2005 - đến nay : Tv. HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách phòng bán hàng Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Số cổ phần nắm giữ (14/03/2014) : 59.426 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,072%  
Tỷ lệ đại diện phần vốn Nhà nước : 10%  
Người liên quan : Không có

## **Ông Hoàng Mạnh Thắng**

Chức vụ hiện tại : Tv.HĐQT  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 25/04/1975  
Nơi sinh : Phú Thọ  
Địa chỉ thường trú : Số 115/55 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình , Hà Nội  
Điện thoại : 04 22113388 - 0907676868  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

**Quá trình công tác** :

1999-2000 : Nhân viên Phòng nhập khẩu Công ty Vật tư XNK Hóa chất  
2000-2001 : Phó phòng nhập khẩu Công ty Vật tư XNK Hóa chất  
2001-2009 : Quyền trưởng phòng và trưởng phòng

2/2009-10/2010	:	nhập khẩu Công ty Vật tư XNK Hóa chất Chuyên viên giúp việc HĐTV Tập đoàn HC VN
10/2010 đến nay	:	Phó chánh văn phòng, thư ký HĐTV tập đoàn HCVN Tv. HĐQT CTCP Cao su Đà Nẵng
Số cổ phần nắm giữ (14/03/2014)	:	110.002 cổ phiếu - Tỷ lệ: 0,132%
Tỷ lệ đại diện phần vốn Nhà nước	:	15%
Người liên quan	:	Không có.

### **Ông Phạm Ngọc Phú**

Chức vụ hiện tại	:	Tv. HĐQT
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	21/4/1957
Nơi sinh	:	Hà nội
Địa chỉ thường trú	:	135/48/2 Ng Văn Cừ ,Long Biên, Hà Nội,
Điện thoại	:	04 6250 9999 ( máy lẻ: 999)
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Tiến sĩ Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	:	
1987-1994	:	Công tác tại ngân hàng nhà nước , thư ký ban lãnh đạo ngân hàng nhà nước
1994-2000	:	Phụ trách phòng kinh doanh chứng khoán, Ngân hàng công thương VN
2000-2007	:	Phó giám đốc, Công Ty chứng khoán ngân hàng công thương VN
2007-2009	:	Công Ty chứng khoán An Thành
T3-2009 đến ngay	:	Tv.HĐQT CTCP Cao su Đà Nẵng
Số cổ phần nắm giữ (14/03/2014)	:	114.664 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,138%
Tỷ lệ đại diện phần vốn Nhà nước	:	0 cp
Người liên quan	:	Không có.

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Ông Nguyễn Thanh Bình** Tương tự phần Giới thiệu HĐQT

**Ông Nguyễn Mạnh Sơn** Tương tự phần Giới thiệu HĐQT

**Ông Hà Phước Lộc** Tương tự phần Giới thiệu HĐQT

### **Ông Phạm Quang Vinh**

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 11/01/1956  
Nơi sinh : Xã Quế Phú, H.Quế Sơn, T.Quảng Nam  
Địa chỉ thường trú : 28 Hồ Xuân Hương, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại : 0511 3836196–0913 402171  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện  
**Quá trình công tác** :  
1981–1982 : Kỹ thuật viên phân xưởng cơ điện Nhà máy Cao su Đà Nẵng  
1983–1990 : Phó phòng Kỹ thuật Cơ năng Nhà máy Cao su Đà Nẵng  
1991–1996 : Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ năng Nhà máy Cao su Đà Nẵng  
Tháng 6/2007 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty  
Số cổ phần nắm giữ (14/03/2014) : 57.169 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,07%  
Người liên quan : Vợ: Bà Trần Thị Bích Đài sở hữu 5.894 cp Tỷ lệ: 0,01%.

### **Kế toán trưởng**

#### **Bà Trần Thị Mỹ Lệ**

Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 12/08/1980  
Nơi sinh : Xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi  
Địa chỉ thường trú : 172/19 Nguyễn Duy Hiệu, TP Đà Nẵng  
Điện thoại : 0511 3.953417 – 0983.512880  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế Ngành Kế toán  
**Quá trình công tác** :  
2002-2006 : Làm việc tại công ty kiểm toán và Dv tin học TP HCM CN Đà Nẵng  
2006-2009 : Kế toán viên tại công ty cổ phần cao su Đà Nẵng

2009-2010	:	Phó phòng kế toán tại công ty CP cao su Đà Nẵng
2011-2013	:	Trưởng phòng kế toán tại công ty cổ phần cao su Đà Nẵng
06/2013 – đến nay	:	Kế toán trưởng tại công ty CP cao su Đà Nẵng
Số cổ phần nắm giữ (14/03/2014)	:	415 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,0005%

## **BAN KIỂM SOÁT**

### **Bà Nguyễn Thị Vân Hoa**

Chức vụ hiện tại	:	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Cao Su Đà Nẵng
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	29/4/1974
Nơi sinh	:	Nghĩa Tân, Nghĩa Hưng, Nam Định
Địa chỉ thường trú	:	P 103 b, số 48 b Tăng Bạt Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại	:	04 38251472
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ chuyên ngành tài chính, LTTT và tín dụng

### **Quá trình công tác**

1997-2010	:	Chuyên viên ban tài chính, Tổng công ty Hóa chất Việt Nam
2009 –đến nay	:	Trưởng ban kiểm soát, Công ty CP Cao su Đà Nẵng
Số cổ phần nắm giữ (14/03/2014)	:	7.461 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,009%.
Người liên quan	:	Không có

### **Ông Phạm Ngọc Bách**

Chức vụ hiện tại	:	Tv.Ban kiểm soát - Chủ tịch Công đoàn Công ty
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	20/6/1956
Nơi sinh	:	Khánh Mậu, Yên Khánh, Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	:	69 Hồ Xuân Hương, TP. Đà Nẵng
Điện thoại	:	0511 3847 107
Trình độ văn hoá	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Công đoàn

### **Quá trình công tác**

7/1973 - 8/1975	:	Công tác tại địa phương
9/1975 - 9/1977	:	Học tại Trường công nhân kỹ thuật hoá chất
10/1977 - 8/1981	:	Công nhân Nhà máy Phân Lân Ninh Bình, Ủy viên thường vụ Đoàn Nhà máy
9/1981 - 8/1986	:	Học tại Trường Đại học Công đoàn - HN

9/1986 - 9/1993 : Chuyên trách công đoàn tại Công ty cao su Đà Nẵng  
10/1993 - đến nay : Chủ tịch công đoàn Công ty  
Số cổ phần nắm giữ(14/03/2014) : 30.072 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,036%  
Người liên quan : Không có

### **Ông Võ Đình Thanh**

Chức vụ hiện tại : Tv. Ban kiểm soát  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 10/10/1957  
Nơi sinh : X.Duy Tân, H.Duy Xuyên, T.Quảng Nam  
Địa chỉ thường trú : 32 Hồ Xuân Hương, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại : 0511 3 952 192  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí  
**Quá trình công tác** :  
1983 - 1993 : Quản đốc phân xưởng cơ điện Công ty cao su Đà Nẵng  
1993 - đến nay : Trưởng phòng Tổ chức Lao động tiền lương  
Số cổ phần nắm giữ (14/03/2014) : 5.529 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,007%  
Người liên quan : Vợ: Bà Nguyễn Thị Minh Hiền  
Sở hữu 614 cp - Tỷ lệ 0,0007%

## Những thay đổi thành viên ban điều hành trong năm 2013

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Hiệu	Chủ tịch HĐQT	30/03/2011	19/07/2013
2	Vũ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	19/07/2013	25/12/2013
3	Vũ Nhất Tâm	Chủ tịch HĐQT	25/12/2013	-
4	Đình Ngọc Đạm	Tổng Giám đốc	23/03/2009	01/01/2014
5	Nguyễn Thanh Bình	Phó TGD phụ trách ban TGD	01/01/2014	-
6	Trần Thị Mỹ Lệ	Kế toán trưởng	01/06/2013	-



## Thống kê lao động

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Nam	1.524	87%
Nữ	225	13%

## Theo trình độ lao động

- Trình độ trên đại học	4	0,2%
- Trình độ đại học, cao đẳng	312	17,8%
- Khác	1.433	81,9%

## Chính sách lao động

### Chính sách lương và phụ cấp

Chính sách lương được xây dựng dựa trên định hướng hiệu quả công việc. Chính sách này thường xuyên được xem xét và cập nhật. Các chính sách lương kinh doanh dựa trên sản lượng, doanh thu và lợi nhuận gộp cho các bộ phận hưởng lương kinh doanh được ban hành nhằm tạo động lực làm việc tích cực, nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Chính sách phụ cấp được xây dựng với từng công việc bao gồm phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp điện thoại,... Đây là phần thu nhập cộng thêm giúp người lao động yên tâm công tác.



### Chính sách thưởng

Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho CBCNV. Về cơ bản, tại Công ty có các chế độ thưởng như sau:

- Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Thưởng cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.
- Thưởng nhân các ngày Lễ, Tết.
- Thưởng Kinh doanh theo quý, năm.
- Thưởng đột xuất hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong kỳ.
- Thưởng người tốt việc tốt
- Thưởng cho công trình sản phẩm mới

### Chế độ bảo hiểm xã hội

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Nhiều năm liền công ty thực hiện tốt công tác bảo hiểm và nhận Giấy khen của Bảo hiểm Xã hội thành phố Đà Nẵng. Trong niên độ tài chính 2012-2013, Công ty đã 02 lần điều chỉnh mức đóng bảo hiểm cho người lao động theo quy định mức lương tối thiểu của Chính phủ vào tháng 01/2011 và tháng 07/2011.

### Chế độ chính sách khác

Ngoài việc thực hiện hỗ trợ suất ăn trưa, ăn giữa ca, cấp phát đồng phục, trang thiết bị bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn 24/24, Công ty còn áp dụng các chế độ phúc lợi như thưởng vào các ngày Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, ngày Quốc tế Phụ nữ và ngày Phụ nữ Việt Nam cho CBCNV nữ, hỗ trợ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.





### Nhà máy lốp xe tải Radial công suất 600.000 lốp / năm.

**Vốn đầu tư:** 2.992.721.263.000,00 đồng( gồm 2 giai đoạn).  
 Khánh thành vào ngày 29/06/2013.

Dự án Radial	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2
Thời gian xây dựng	Q2/2011-Q2/2013	2016-2017
Công suất thiết kế (lốp/năm)	300.000	600.000
Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	2.127	705

### Kế hoạch tiêu thụ của dự án

	2014	2015	2016
Sản lượng	185.000	250.000	300.000

Việc đầu tư nhà máy nằm trong định hướng phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh, mở rộng quy mô nhằm củng cố vị thế nhà sản xuất lốp hàng đầu tại Việt Nam của Cao Su Đà Nẵng. Ngoài ra, đây là nhà máy mang tính chiến lược của Tập đoàn hóa chất Việt Nam trong kế hoạch phát triển ngành sản lốp của Việt Nam trong tương lai.



## **Di dời XN sản lắp ô tô từ Bắc Mỹ An vào KCN Liên Chiêu, Đà Nẵng.**

**Thời gian thực hiện dự án:** Theo kế hoạch tiến độ, thời gian thực hiện dự án từ quý I/2012 đến hết năm 2013. Căn cứ tình hình chung của các dự án đầu tư trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng đã đồng ý về nguyên tắc cho giãn tiến độ di dời đến tháng 4/2014, điều này cho phép Công ty cân đối kế hoạch di dời máy móc thiết bị hạn chế tối đa thời gian ngừng việc và chủ động cung ứng sản phẩm ra thị trường. Riêng công tác xây dựng nhà xưởng phục vụ di dời vẫn theo đúng kế hoạch tiến độ đề ra. Công ty vẫn chủ động hoàn thành di dời trước mốc thời gian quy định của Thành phố.

Đồng thời công ty cũng tính đến đầu tư bổ sung một số thiết bị mới thay thế những thiết bị quá cũ nhằm đồng bộ dây chuyền sản xuất.

### **Công suất sản xuất sản lắp ô tô sau khi di dời:**

- Lắp ô tô : 780.000 chiếc/năm
- Sản ô tô: 800.000 chiếc/năm
- Yếm ô tô: 390.000 chiếc/năm

**Tổng mức đầu tư:** 674 tỷ đồng bao gồm cả tài sản cũ. Đầu tư mới 580 tỷ đồng trong đó chi phí xây dựng nhà xưởng 190 tỷ đồng, chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt lại thiết bị và mua sắm bổ sung thiết bị mới 230 tỷ đồng.

**Nguồn vốn đầu tư:** gồm vốn tự có và phần chi trả của Thành phố Đà Nẵng khi thu hồi đất được dùng làm vốn đối ứng vay thương mại. Công ty đã ký hợp đồng tín dụng vay Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng 70 tỷ và Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Ngũ Hành Sơn 310 tỷ đồng. Tổng cộng 380 tỷ đồng.



## Các công ty con, công ty liên doanh liên kết

Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần tại Cao su Đà Nẵng

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số lượng (CP)	Tỷ lệ/ Vốn cổ phần (%)
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1A Tràng Tiền - Hà Nội	835 TTg	41.957.594	50,51%

Nguồn:DRC

Tổ chức mà Cao su Đà Nẵng nắm giữ trên 50% cổ phần: không có

### Công ty liên doanh liên kết

DRC đang góp vốn (5%) vào Công ty liên doanh than đen Phillips Carbon

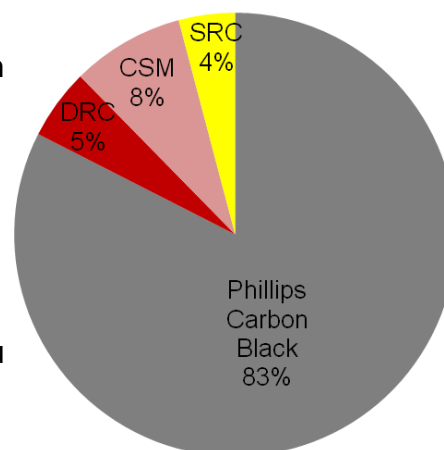
Công ty này ra đời năm 2008

Tổng vốn đầu tư cho dự án : 65.000.000 USD

Địa điểm đầu tư : Cảng Cái mép - Bà Rịa Vũng Tàu

Ngành nghề sản xuất : sản xuất than đen phục vụ nhu cầu cho thị trường nội địa và xuất khẩu

Công suất 110.000 tấn than đen các loại/năm



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng/Giảm
<b>Tổng tài sản</b>	2.478	3.188	28,7
Vốn CSH	1.169	1.380	18,0
Doanh thu thuần	2.785	2.804	0,7
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	412	498	20,9
Lợi nhuận trước thuế	417	500,7	20,1
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	312	375	20,2
<b>EPS (đồng/cp)</b>	5.355	4.519	-15,6

Trong năm 2013, tổng tài sản của Cao su Đà Nẵng đã tăng 28,7%, nguyên nhân là do:

- (1) DRC đã tiến hành đầu tư dự án nhà máy Radial toàn thép.
- (2) DRC đẩy mạnh sản xuất lốp ô tô bias, tăng tồn kho thành phẩm để đáp ứng kế hoạch tiêu thụ năm 2014 trong điều kiện di dời Xí nghiệp ô tô.
- (3) DRC đã giải quyết tăng dư nợ cho Nhà phân phối trong tháng 12/2013 để đảm bảo lượng hàng tiêu thụ trong điều kiện vận chuyển hàng hóa gặp khó khăn do tết dương lịch và tết âm lịch gần nhau.

Năm qua, doanh thu thuần của công ty tăng nhẹ 0,7% nhưng giá vốn giảm 5% so với cùng kỳ 2012 đã giúp cho lợi nhuận gộp tăng mạnh, theo đó tỷ suất lợi nhuận gộp/tổng doanh thu tăng từ 21% lên 25%. Chính sự cải thiện mạnh này đã giúp cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 20,9% và lợi nhuận trước thuế tăng 20,1% so với năm 2012, lần lượt đạt mức 497 tỷ đồng và 500,7 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 375 tỷ đồng (tăng 20,2% so với 2012). Trong năm qua công ty phát hành 20% cổ phiếu trả cổ tức 2012 làm cho EPS 2013 bị pha loãng giảm về mức 4.519 đồng/cp giảm 15,6% so với mức 5.355 đồng/cp của năm 2012.

*Về vốn chủ sở hữu:* trong năm 2013 công ty đã tiến hành phát hành cổ phiếu trả cổ tức 20% của năm 2012. Theo đó, vốn điều lệ tăng từ 692,3 tỷ đồng lên 830,7 tỷ đồng. Ngoài ra, lợi nhuận giữ lại và các quỹ dự kiến năm 2013 sẽ tăng thêm hơn 72 tỷ đồng. Chính 2 yếu tố này đã giúp cho tổng vốn chủ sở hữu tăng 18% so với năm 2012.

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2013	Năm 2012
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	59,3	57,9
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	40,7	42,1
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ /Tổng tài sản	%	56,7	52,8
	- Nợ/Vốn CSH	%	131,0	111,9
	- Đòn bẩy tài chính	Lần	2,2	2,0
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,4	0,6
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,4	1,9
<b>4</b>	<b>Năng lực hoạt động</b>			
	- Vòng quay HTK	Vòng	2,6	2,8
	- Vòng quay phải thu	Vòng	14,2	17,5
	- Vòng quay Tài sản	Vòng	1,0	1,4
<b>5</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
	- ROA	%	13,3	15,2
	- ROE	%	29,5	30,5
	- LNST/Doanh thu	%	12,9	10,8
	- EBITDA/Doanh thu	%	21,2	16,3

## **Cơ cấu tài sản**

Cấu trúc tài sản của DRC thường được duy trì với tỷ lệ 60/40. Trong đó, TSDH chiếm 60% và TSNH chiếm 40%. Trong năm qua, TSDH tăng cao chủ yếu là do dự án Radial hoàn thành và đưa vào khai thác. Bên cạnh đó, giá trị hàng tồn kho năm qua cũng tăng mạnh do Công ty phải dự trữ thêm nguyên vật liệu để sản xuất lốp radial, đồng thời tăng tồn kho lốp ô tô bias phục vụ công tác tiêu thụ năm 2014 trong điều kiện di dời Xí nghiệp ô tô .

Trong 3 năm trở lại đây, DRC đã áp dụng cho hệ thống các Nhà phân phối được thực hiện kỳ nhận hàng và kỳ thanh toán trong tháng lệch pha nhau 15 ngày. Đây cũng là một yếu tố quan trọng giúp DRC đã tăng trưởng doanh thu khá tốt trong các năm qua.

## **Cơ cấu nguồn vốn**

Trong năm 2012-2013, công ty gia tăng vay nợ để tập trung đầu tư cho dự án Radial toàn thép. Chính điều này làm gia tăng tỷ lệ nợ vay cũng như đòn bẩy tài chính của công ty. Đồng thời làm cho các chỉ số thanh toán nhanh và hiện hành của DRC trong năm qua giảm nhẹ so với 2012.

## **Tỷ suất lợi nhuận**

Năm 2013 vừa qua với việc giá cao su duy trì ở mức thấp trong thời gian dài, cùng với việc tỷ giá tương đối ổn định đã giúp cho công ty đạt mức tỷ suất lợi nhuận cao nhất trong giai đoạn 2011-2013. Thực tế cho thấy doanh thu năm qua chỉ tăng 0,5% tuy nhiên lãi gộp tăng đến 21%, điều này chủ yếu là do tỷ suất lãi gộp tăng từ mức 21% năm 2012 lên 26% trong năm 2013. Nhờ đó mà tỷ suất LNST/doanh thu được cải thiện mạnh từ 10,8% năm 2012 lên 12,9% năm 2013, EBITDA tăng từ 16,3% lên mức 21,2%.

ROE năm 2013 đạt 29,5% giảm nhẹ so với mức 30,5% của năm 2012 cụ thể là do vốn chủ sở hữu năm 2013 tăng hơn 18% bắt nguồn từ việc DRC tăng vốn điều lệ thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu (20%) và nguồn lợi nhuận giữ lại tăng cao.



## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ: 830.738.490 đồng

Mã chứng khoán: DRC

Tổng số CP: 83.073.849 CP

Số lượng CP lưu hành: 83.073.849 CP

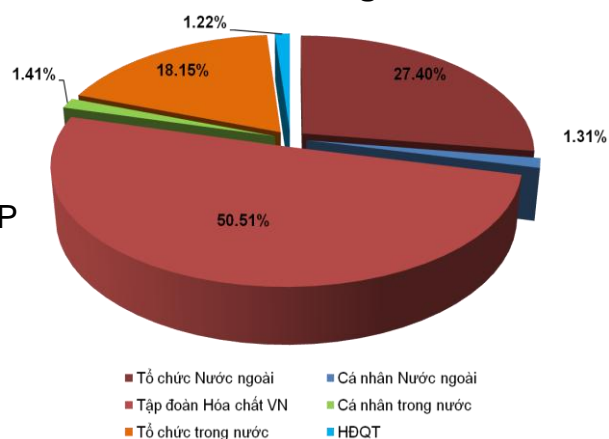
Số lượng CP tự do chuyển nhượng: 83.073.849 CP

Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP

Số lượng CP quỹ: 0 CP

Giá trị sổ sách tại 31/12/2013: 16.610 đồng.

### Cơ cấu cổ đông DRC



Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %
<b>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</b>	<b>41.957.594</b>	<b>50,51</b>
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>1.014.045</b>	<b>1,22</b>
<b>Cổ đông trong nước</b> (không bao gồm cổ đông Nhà nước)	<b>16.246.963</b>	<b>19,56</b>
Tổ chức	1.167.391	1,41
Cá nhân	15.079.572	18,15
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>23.855.247</b>	<b>28,71</b>
Tổ chức	22.764.487	27,40
Cá nhân	1.090.760	1,31
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.073.849</b>	<b>100</b>

### Biến động giá DRC trong năm 2013



**Tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng) tại ngày 14/03/2014**

Họ tên cá nhân	Chức vụ liên quan	Số lượng CP nắm giữ		Tỷ lệ %
		Nhà nước	Cá nhân	
Vũ Nhất Tâm	Chủ tịch HĐQT đương nhiệm	21.183.832	20.000	25,52%
Đinh Ngọc Đạm	Tv.HĐQT		455.001	0,547%
Nguyễn Thanh Bình	Tv.HĐQT - Phó TGD phụ trách Ban TGD		231.740	0,279%
Nguyễn Mạnh Sơn	Tv.HĐQT- Phó TGD		23.212	0,028%
Hà Phước Lộc	Tv.HĐQT - Phó TGD	8.307.385	59.426	10,72%
Hoàng Mạnh Thắng	Tv.HĐQT	12.466.378	110.002	15,14%
Phạm Ngọc Phú	Tv.HĐQT		114.664	0,138%
Nguyễn Thị Vân Hoa	Trưởng Ban KS		7.461	0,009%
Phạm Ngọc Bách	Thành viên Ban KS		30.072	0,036%
Võ Đình Thanh	Thành viên Ban KS		5.529	0,007%
Phạm Quang Vinh	Phó TGD		57.169	0,069%
Trần Thị Mỹ Lệ	KT trưởng		415	0,0005%



### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

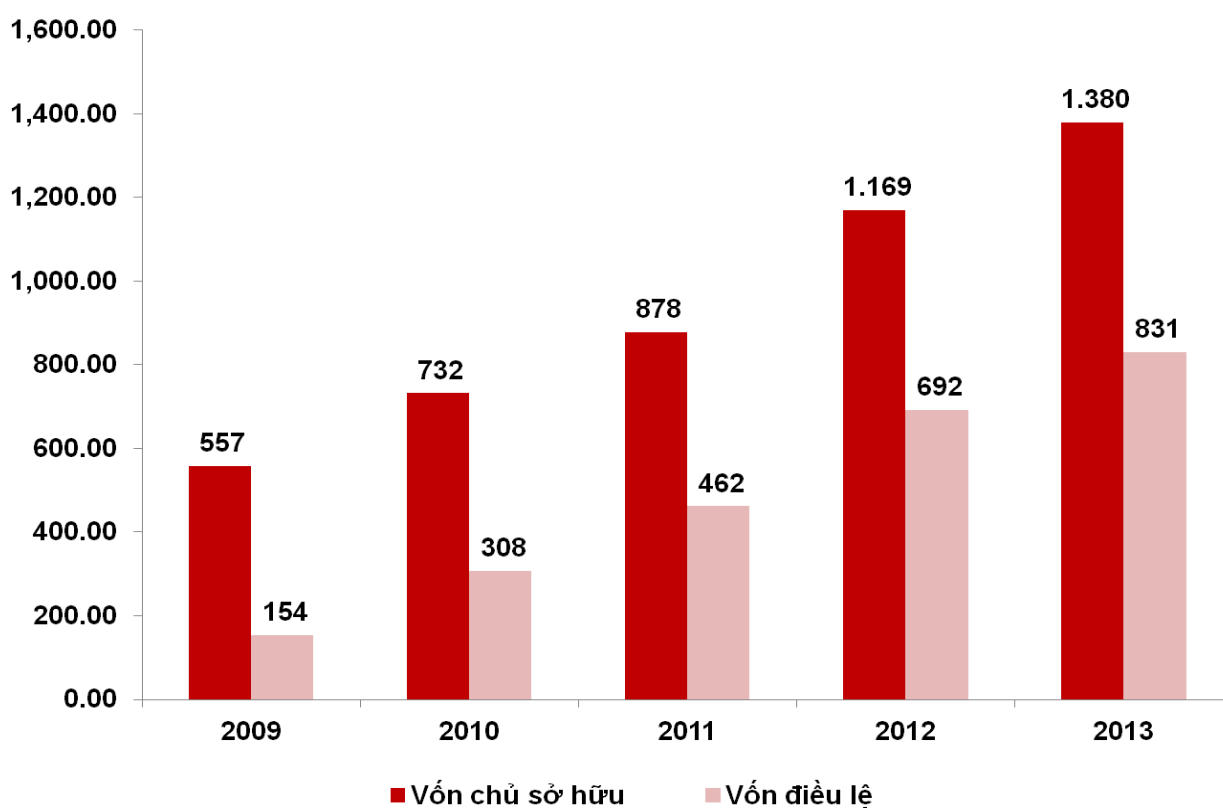
Trong năm 2013 công ty thực hiện phát hành 13.844.904 cp tương ứng 20% vốn điều lệ để trả cổ tức 2012.

Tổng số cổ phiếu trước khi phát hành: 69.228.945 cp.

Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành: 83.073.849 cp.

[http://www.fpts.com.vn/FileStore2/File/2013/04/22/20130422\\_DRC\\_CBTT\\_phat\\_hanh\\_CP.pdf](http://www.fpts.com.vn/FileStore2/File/2013/04/22/20130422_DRC_CBTT_phat_hanh_CP.pdf)

### Thay đổi Vốn CSH và Vốn điều lệ giai đoạn 2009-2013



# BÁO CÁO

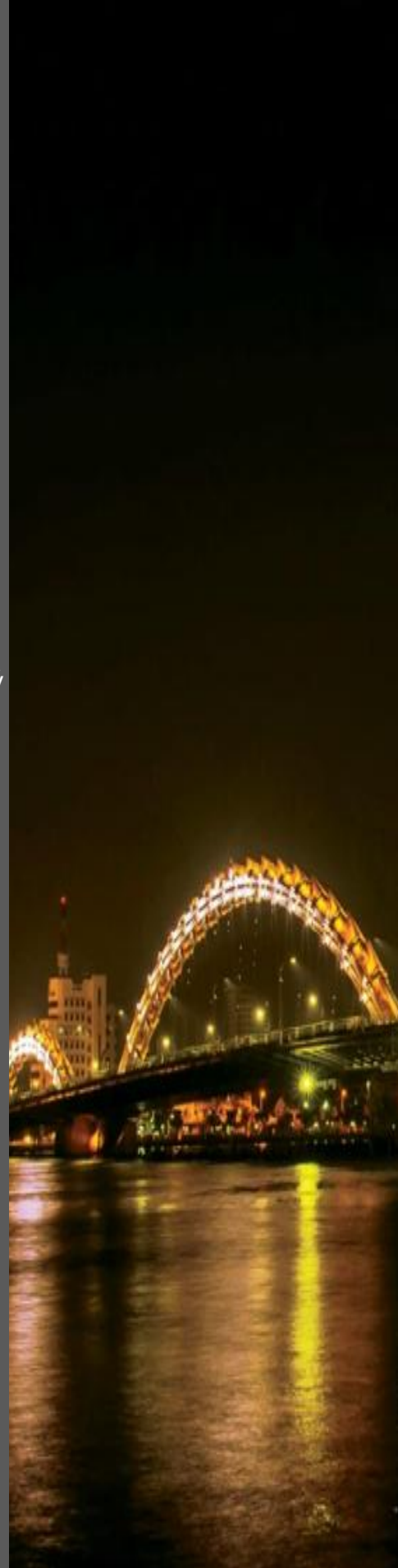
## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển tương lai





## Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013

Năm 2013 được đánh giá là năm mà nền kinh tế đất nước phải đối mặt với hàng loạt những vấn đề khó khăn thách thức mới như: tốc độ tăng trưởng thấp, niềm tin suy giảm và vốn đầu tư của xã hội đã giảm sút hơn bao giờ hết.

Đối với DRC, năm 2013 Công ty vừa sản xuất, vừa tiếp tục triển khai các Dự án đầu tư, vừa phải thực hiện kế hoạch di dời nhà máy từ khu vực Bắc Mỹ An vào Khu công nghiệp Liên Chiểu để giao trả mặt bằng theo yêu cầu của UBND Thành phố Đà Nẵng.

Trong bối cảnh như vậy, với truyền thống không ngừng vượt khó đi lên, tập thể CBCNV Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng đã phát huy tinh thần lao động sáng tạo, đoàn kết, thống nhất trong mọi hành động, tận dụng tốt thời cơ, từng bước vượt qua khó khăn, thách thức. Với sự quản lý, chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành, sự hợp tác và hỗ trợ nhiệt thành của hệ thống các Nhà phân phối, của quý khách hàng, của các đối tác, các nhà đầu tư đã giúp cho DRC hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã đề ra.

### Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	So sánh (%)	
				TH 2012	NQ 2013
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ	3.085	108	98
2	Doanh thu tiêu thụ	//	2.911	101	96
3	Xuất khẩu	Tr USD	15,5	129	-
4	Lợi nhuận trước thuế	//	500,6	120	120
5	Sản lượng tiêu thụ	1.000 chiếc			
5.1	Lốp xe đạp	//	3.705	107	
5.2	Săm xe đạp	//	4.342	101	
5.3	Lốp xe máy	//	1.136	101	
5.4	Săm xe máy	//	3.216	114	
5.5	Lốp ô tô máy kéo	//	757	107	
	<i>-Lốp ô tô radial</i>	//	15		
5.6	Săm ô tô	//	615	119	
5.7	Yếm ô tô	//	427	107	
5.8	Lốp ô tô đắp	//	39	74	
5.9	Cao su kỹ thuật	Tỷ	5,5	112	

Năm 2013, Công ty được Tập đoàn công nghiệp Hóa chất Việt Nam tiếp tục trao danh hiệu: “Đơn vị có tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cao nhất Tập đoàn”, Tạp chí Nhịp cầu đầu tư xếp vào Top 05 trong danh sách “50 Doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam”. DRC là một trong năm đơn vị của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam vinh dự được Thủ tướng Chính phủ trao cờ: “Đơn vị dẫn đầu trong phong trào thi đua năm 2013”.

Hiện nay, DRC là một trong hai đơn vị có số nộp Ngân sách Nhà nước lớn nhất trong khối các doanh nghiệp tại Thành phố Đà Nẵng; được Tổng cục Thuế tuyên dương trong số 1.000 doanh nghiệp có số nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam.

Nhãn hiệu sấm-lốp ô tô DRC được Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam xếp vào “Top 50 Nhãn hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam”, được Hội doanh nhân trẻ Việt Nam bình chọn là Thương hiệu dẫn đầu ngành Nhựa - Cao su và trao giải SAO VÀNG ĐẤT VIỆT năm 2013. Sản phẩm DRC nhiều năm liền được UBND TP. Đà Nẵng chọn là một trong năm sản phẩm chủ lực của Thành phố trong thời kỳ hội nhập.

Kể từ ngày 23/7/2012 mã chứng khoán DRC đã được Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM xếp vào Top 30 cổ phiếu có vốn hóa thị trường và tính thanh khoản cao nhất trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.

## **Các biện pháp, cải tiến đã thực hiện trong năm 2013**

### **Công tác quản lý điều hành sản xuất**

Năm 2013, công tác quản lý, điều hành sản xuất của Công ty đã có những chuyển biến tích cực, nhiều giải pháp bố trí sản xuất hợp lý, khoa học được triển khai đồng bộ đã góp phần nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và đáp ứng kịp thời nhu cầu đa dạng của thị trường trong và ngoài nước.

### **Công tác kế hoạch - vật tư**

Tình hình giá cả và nguồn cung nguyên vật liệu phục vụ sản xuất trong năm tương đối ổn định đã tạo điều kiện thuận lợi để Công ty triển khai thực hiện các kế hoạch sản xuất, góp phần đáng kể trong việc tạo ra hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặc dù vậy, việc cung ứng vật tư phục vụ cho sản xuất và sửa chữa, bao bì đóng gói sản phẩm đôi lúc vẫn chưa kịp thời làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất. Ban điều hành sẽ chú trọng và làm tốt hơn nữa công tác dự báo, dự đoán xu hướng biến động giá cả nguyên, nhiên vật liệu đầu vào để luôn đảm bảo nguồn cung cho sản xuất với giá cả và chất lượng tốt nhất; cân đối vật tư dự trữ hợp lý, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt vật tư ảnh hưởng đến việc triển khai kế hoạch sản xuất.

### **Công tác quản lý chất lượng**

Năm 2013, công tác quản lý chất lượng sản phẩm đã có nhiều tiến bộ, tỷ lệ sản phẩm bảo hành giảm đáng kể, ngoại quan của sản phẩm ngày càng được cải thiện,

tính ổn định về chất lượng sản phẩm luôn được củng cố và duy trì. Hiệu quả sử dụng sản phẩm của DRC được người tiêu dùng đánh giá cao hơn rất nhiều so với những sản phẩm cùng loại trên thị trường, đây được xem là một trong những yếu tố quan trọng làm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm và khẳng định vị thế thương hiệu DRC. Sản phẩm săm lốp ô tô DRC đều được chứng nhận đạt các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế như: Tiêu chuẩn an toàn của Mỹ - DOT; Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản - JIS và Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu - EMARK.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý chất lượng vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần quan tâm giải quyết triệt để, đó là:

- Công tác kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất chưa chặt chẽ, dẫn đến việc phát hiện và ngăn chặn các nguy cơ gây ra sản phẩm hỏng chưa được kịp thời.

- Sự phối hợp giữa các Phòng, Ban chức năng với các Xí nghiệp sản xuất trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý chất lượng sản phẩm vẫn còn chậm, khả năng làm việc theo nhóm để xử lý nhanh và dứt điểm các sự cố về chất lượng sản phẩm vẫn còn hạn chế.

- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn phẩm cấp chất lượng vẫn còn bị lọt lưới ra thị trường, hiện tượng nhầm quy cách, chủng loại trong quá trình kiểm tra, đóng gói sản phẩm vẫn còn xảy ra.

- Phải tiếp tục và thường xuyên có nhiều giải pháp để nâng cao nhận thức cho công nhân và đội ngũ cán bộ kỹ thuật về tầm quan trọng của công tác quản lý chất lượng sản phẩm đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty; loại bỏ tư tưởng chạy theo số lượng, coi thường chất lượng làm ảnh hưởng đến uy tín của DRC.

### **Công tác khoa học kỹ thuật, phát triển sản phẩm mới**

Trong năm qua, trước tình hình cạnh tranh trên thị trường ngày càng khắc nghiệt, Công ty đã kịp thời đưa ra nhiều giải pháp trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật để thích ứng, nhiều đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong việc dùng nguyên vật liệu thay thế nhằm hạ giá thành nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm đã được triển khai nhanh chóng và mang lại hiệu quả cao.

Phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí luôn được quan tâm và đầu tư đúng mức, đã có 153 sáng kiến được Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty xét duyệt, đã tạo ra giá trị làm lợi trên 12 tỷ đồng.

Công tác kiểm tra, chăm sóc, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị trong năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực rất đáng ghi nhận, hiện tượng ngừng sản xuất do máy móc thiết bị hư hỏng đã được cải thiện, giúp Công ty chủ động trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch sản xuất theo nhu cầu thị trường, đồng thời tiết giảm được chi phí sửa chữa máy móc thiết bị.



Công tác khoa học kỹ thuật luôn được đánh giá là yếu tố quan trọng giúp Công ty vượt qua khó khăn, tiếp tục phát triển một cách vững chắc trong điều kiện sức mua của thị trường giảm sút, sự cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trong và ngoài nước ngày càng khốc liệt.

Năm 2013 đã nghiên cứu thiết kế, thi công đưa ra thị trường trên 28 quy cách sản phẩm mới ở hầu hết các dòng sản phẩm chủ lực của Công ty, đáp ứng và thỏa mãn kịp thời nhu cầu sử dụng của từng đối tượng khách hàng, theo đặc thù của từng vùng thị trường, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tạo nên nhiều lợi thế riêng có đối với nhãn hiệu DRC, được hệ thống các Nhà phân phối và người tiêu dùng ghi nhận, đánh giá cao, tạo thêm doanh thu trên 53 tỷ đồng.

Trong lĩnh vực này, vẫn còn những hạn chế cần quan tâm khắc phục, đó là:

- Công tác xây dựng, ban hành và phân tích định mức vật tư phải được cải tiến theo hướng phản ánh đúng, kịp thời tình hình sử dụng vật tư trong xu thế giá nguyên vật liệu ngành sản xuất công nghiệp cao su luôn biến động phức tạp, nhằm tham mưu tốt cho Ban điều hành trong việc tổ chức sản xuất một cách hiệu quả.
- Chấn chỉnh tình trạng thất thoát nhiệt, khí nén, điện, dầu ở các xưởng sản xuất.
- Tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các đơn vị để giải quyết dứt điểm các biến động trong quá trình sản xuất; xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố về chất lượng sản phẩm theo phản ánh của khách hàng, triển khai nhanh chóng công tác phát triển sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường.
- Tiếp tục phát huy phong trào nghiên cứu áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, không ngừng nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm, cần phải xác định đây là một trong những yếu tố then chốt tạo ra bước đột phá trong chiến lược kinh doanh của Công ty trong giai đoạn hội nhập toàn cầu.

### **Công tác tiêu thụ**

Công tác tiêu thụ trong năm qua chịu rất nhiều áp lực do sức mua của thị trường giảm sút đáng kể, đặc biệt đối với sản phẩm sẫm - lớp ô tô là mặt hàng chủ lực của Công ty.

Ngoài ra, với xu thế hội nhập toàn cầu, nhiều hãng xe nước ngoài đã chính thức thành lập công ty phân phối hoặc xây dựng nhà máy sản xuất tại Việt Nam, nhiều sản phẩm từ các nước trong khu vực đã được nhập khẩu vào thị trường nội địa với số lượng ngày càng lớn, đa dạng về mẫu mã, phong phú về thương hiệu; tình trạng gian lận thương mại vẫn chưa được khắc phục v.v..đang tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh và ngày càng khắc nghiệt đối với các đơn vị sản xuất sẫm lớp trong nước và DRC không là ngoại lệ.

Tuy nhiên, nhờ bám sát và nắm bắt kịp thời những diễn biến của thị trường, Ban điều hành đã ban hành và áp dụng nhiều chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp, tạo sự ổn định cho hệ thống các Nhà phân phối và khách hàng trong việc tiêu thụ và sử dụng sản phẩm DRC.

Công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng đã được cải thiện theo hướng ngày càng chuyên nghiệp và hoàn hảo hơn. Công ty luôn xác định đây là một trong những yêu tố quan trọng tạo ra sự khác biệt trong công tác bán hàng của DRC. Công tác dự báo nhu cầu tiêu thụ, phối hợp với việc xây dựng kế hoạch sản xuất trong năm qua cũng được thực hiện ngày càng nhịp nhàng và khoa học, đã góp phần cân đối lượng vật tư, thành phẩm tồn kho hợp lý, đáp ứng kịp thời yêu cầu đa dạng của khách hàng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công tác khai thác và mở rộng thị trường được đặc biệt quan tâm chỉ đạo. Năm 2013, Công ty đã ký kết thêm 09 Hợp đồng kinh tế với các khách hàng tổ chức lớn mua sử dụng trực tiếp sản phẩm DRC, thiết lập mới 06 Nhà phân phối trong và ngoài nước, đã góp phần tạo ra giá trị doanh thu trên 55 tỷ đồng.

Công tác xuất khẩu trong năm qua cũng đạt được nhiều thành công rất đáng ghi nhận, nhiều thị trường mới được khai thác, mở rộng; kim ngạch xuất khẩu đạt tăng trưởng cao (tăng gần 30% so với cùng kỳ 2012). Tăng cường công tác xuất khẩu là một trong những mục tiêu và định hướng chỉ đạo xuyên suốt của Ban điều hành nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêu thụ, duy trì sản xuất, tạo việc làm ổn định cho người lao động trong điều kiện sức mua thị trường nội địa giảm mạnh, đồng thời giúp Công ty chủ động trong việc cân đối ngoại tệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác quản lý hàng hóa tồn kho, quản lý tiền hàng, công nợ khách hàng được thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định. Trong năm không để xảy ra bất kỳ tình trạng thất thoát, mất mát hàng hóa, tiền hàng, hoặc phát sinh công nợ khó đòi, tốc độ quay vòng vốn lưu động đạt cao góp phần đáng kể trong việc tạo ra hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

Để đáp ứng chiến lược đầu tư và phát triển của Công ty trong thời gian tới, công tác bán hàng phải tập trung giải quyết những vấn đề tồn tại sau đây:

- Tiếp tục kiện toàn, bổ sung đội ngũ cán bộ làm công tác thị trường nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, đặc biệt quan tâm đến đội ngũ làm công tác xuất khẩu.
- Chiến lược phát triển sản phẩm mới tuy có cố gắng và mang lại những thành công nhất định, nhưng cần phải phát huy hơn nữa và tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận có liên quan nhằm nắm bắt kịp thời nhu cầu và tận dụng cơ hội mới của thị trường.
- Công tác xuất khẩu cần phải chủ động hơn trong việc tìm kiếm, khai thác thị trường mới. Hiện nay chỉ mới tập trung giải quyết các nhu cầu khi khách hàng

đến với Công ty mà chưa có chương trình, kế hoạch để phát triển thị trường xuất khẩu một cách dài hạn nhằm đáp ứng yêu cầu đầu tư và tăng trưởng của Công ty trong những năm tiếp theo.



### **Công tác đầu tư xây dựng**

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn phải triển khai thực hiện cùng lúc nhiều dự án có giá trị lớn, tính phức tạp công việc cao và thời gian yêu cầu rất cấp bách là một thách thức không dễ vượt qua. Với sự chỉ đạo sát sao của Ban điều hành, công tác đầu tư xây dựng trong năm qua đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Dự án “Nhà máy sản xuất lốp xe tải radial công suất 600.000 lốp/năm” được khởi công từ năm 2011 đã khánh thành và đi vào hoạt động từ ngày 29/6/2013. Việc Công ty đưa vào hoạt động Dự án Nhà máy sản xuất lốp ô tô tải toàn thép quy mô, hiện đại đầu tiên của Việt Nam, có thể khẳng định rằng: tính đến thời điểm hiện nay, DRC là đơn vị duy nhất trong ngành sản xuất sảm lốp tại Việt Nam có thể đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu của thị trường đối với tất cả các quy cách, chủng loại sảm lốp cho xe ô tô tải, xe cơ giới và xe nông nghiệp.
- Dự án “Di dời Xí nghiệp sảm lốp ô tô từ Bắc Mỹ An vào Khu công nghiệp Liên Chiểu” với tổng mức đầu tư 674 tỷ đồng trong đó phần đầu tư mới là 580 tỷ đồng. Đến nay đã cơ bản hoàn thành xong việc xây dựng nhà xưởng, đang tiến hành gấp rút việc di dời và lắp đặt thiết bị, khối lượng công việc di dời đã thực hiện ước đạt khoảng 40% tổng khối lượng di dời của toàn dự án.

Đối với công tác đầu tư xây dựng Ban điều hành luôn chú trọng một số vấn đề sau đây:

- Các dự án đầu tư phải luôn đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng.
- Tăng cường hơn nữa việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc các Nhà thầu thực hiện đầy đủ các cam kết về tiến độ đầu tư, chất lượng công trình; sớm đưa các hạng mục đầu tư vào sử dụng.
- Phối hợp chặt chẽ với bộ phận tài chính kế toán trong việc cân đối nguồn vốn đầu tư và giải ngân phục vụ dự án một cách hiệu quả.



### Công tác tài chính

Công tác tài chính đã tham mưu cho Ban điều hành triển khai có hiệu quả các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Phối hợp linh hoạt với các đơn vị trong việc cân đối nguồn vốn phục vụ việc thu mua vật tư, đảm bảo ổn định cho sản xuất, dự trữ tồn kho hợp lý; xây dựng nhiều giải pháp để tăng cường công tác tiêu thụ, giảm hàng tồn kho, quản lý tốt tiền hàng, công nợ khách hàng, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn.

Tích cực khai thác thêm nhiều đối tác Ngân hàng trong và ngoài nước để tạo sự cạnh tranh về lãi suất, giúp Công ty luôn huy động được nguồn vốn phục vụ các hoạt động SXKD với chi phí lãi vay ưu đãi nhất.

Kịp thời cập nhật và triển khai thực hiện tốt các thông tư, quy định mới của Nhà nước liên quan đến chế độ tài chính kế toán. Trong năm 2013, được Đoàn Thanh tra Bộ Tài Chính và Đoàn thanh tra Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước thanh tra và đánh giá cao trong việc tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý kinh tế. Công bố kịp thời, minh bạch, chính xác các thông tin theo yêu cầu

của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, cung cấp đầy đủ, chi tiết, nhiệt tình các thông tin theo yêu cầu của các cổ đông.

Để phát huy hơn nữa vai trò kiểm tra, kiểm soát và tham mưu cho Ban điều hành trong công tác quản trị tài chính nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện chính sách tiền tệ luôn thay đổi, quy mô tài sản của Công ty ngày càng lớn, trong thời gian đến cần chú trọng hơn những vấn đề sau đây:

- Phối hợp nhịp nhàng với các đơn vị để khai thác và tận dụng hiệu quả các nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD.
- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các hành các quy định, chính sách của Nhà nước ở các đơn vị.
- Thực hiện việc phân tích kinh tế định kỳ nhằm kịp thời tham mưu cho Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động SXKD của Công ty.

### **Công tác lao động - tiền lương**

Năm 2013, mặc dù nền kinh tế gặp quá nhiều khó khăn, nhưng Công ty đã cố gắng tạo công ăn việc làm ổn định cho hơn 1.750 CBCNV. Trong năm qua, không có trường hợp phải nghỉ việc dài ngày, thu nhập của CBCNV luôn được quan tâm thích đáng và hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động. Điều này đã giúp cho CBCNV trong Công ty luôn nhiệt tình, tâm huyết và mong muốn được gắn bó cống hiến lâu dài cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Công ty.

Công tác lao động - tiền lương cần đề lưu ý chấn chỉnh một số vấn đề sau:

- Tiếp tục rà soát, sàng lọc, sắp xếp, định biên lại lực lượng lao động tại tất cả các đơn vị trong toàn Công ty theo hướng tiến tiến, khoa học..
- Thường xuyên thực hiện công tác phân tích tiền lương nhằm chấn chỉnh kịp thời sự bất hợp lý trong việc xây dựng đơn giá lương với mức độ phức tạp trong từng công việc, tạo ra sự công bằng hợp lý trong thu nhập của người lao động.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho CNCNV Công ty.

Kết thúc năm 2013, một năm ghi nhận tinh thần đoàn kết, phát huy nội lực, biết tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức của tập thể CBCNV Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng. Với sự quản lý sát sao của HĐQT, sự hỗ trợ nhiệt thành của các cơ quan chức năng, của quý vị cổ đông, các nhà đầu tư, hệ thống các nhà phân phối, quý khách hàng, Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã đề ra.

## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản

(triệu đồng)	NĂM 2012	NĂM 2013	% 2013/2012
	<b>2.478</b>	<b>3.188</b>	<b>129%</b>
	<b>1.044</b>	<b>1.298</b>	<b>124%</b>
Phải thu ngắn hạn	212	334	157%
Hàng tồn kho	712	901	127%
	<b>1.434</b>	<b>1.889</b>	<b>132%</b>

Tổng tài sản tăng 29% so với 2012, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 24% và tài sản dài hạn tăng 32%. Tài sản ngắn hạn tăng phần lớn bắt nguồn từ hàng tồn kho (tăng 27%) và các khoản phải thu (tăng 57%).

Nguyên nhân tài sản dài hạn tăng 32% so với năm 2012, tương ứng tăng 455 tỉ đồng chủ yếu là do các khoản đầu tư giai đoạn cuối của dự án radial toàn thép.

### Tình hình nợ phải trả

(triệu đồng)	NĂM 2012	NĂM 2013	% 2013/2012
<b>Nợ phải trả</b>	<b>1.308</b>	<b>1.808</b>	<b>138%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>537</b>	<b>934</b>	<b>74%</b>
Vay và nợ ngắn hạn	117	544	465%
Phải trả người bán	177	147	83%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>771</b>	<b>874</b>	<b>113%</b>
Vay dài hạn	771	874	113%

Nợ ngắn hạn tăng 74% so với năm 2012 là do công ty tăng vốn vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động trong năm qua.

Vay nợ dài hạn tiếp tục tăng (13%) nhưng thấp hơn so với mức tăng của giai đoạn 2012/2011 (311%) do công ty đã hoàn thành những công đoạn cuối cùng trong giai đoạn 1 của dự án radial toàn thép vì vậy mức vay không còn tăng mạnh như lúc trước.



## Phương hướng nhiệm vụ năm 2014

Năm 2014, nền kinh tế trong nước và thế giới được dự báo vẫn còn đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức, vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn và thử thách.

Nhận thức được việc này, Ban điều hành Công ty triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD cho năm 2014 theo hướng: tăng cường công tác quản trị công ty, quản lý chi phí, tìm các biện pháp giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2014	So TH 2013 (%)
1	Giá trị SXCN ( theo giá thực tế )	Tỷ	3.395	110
2	Doanh thu tiêu thụ	//	3.485	120
3	Xuất khẩu	Tr USD	25	160
4	Lợi nhuận trước thuế ước tính	Tỷ	425	85
5	Sản lượng tiêu thụ			
5.1	Lốp xe đạp	1.000 chiếc	3.700	100
5.2	Săm xe đạp	//	4.800	111
5.3	Lốp xe máy	//	1.200	105
5.4	Săm xe máy	//	3.600	112
5.5	Lốp ô tô máy kéo	//	855	113
	<i>Lốp Radial</i>	//	135	899
5.6	Săm ô tô	//	580	94
5.7	Yếm ô tô	//	540	126
5.8	Lốp ô tô đắp	//	42	107
5.9	Cao su kỹ thuật	Tỷ	6	109

## **Các biện pháp thực hiện**

Để thực hiện hoàn thành các mục tiêu cho năm kế hoạch 2014, Ban điều hành sẽ triển khai thực hiện các nhóm giải pháp cơ bản sau đây:

Công tác điều hành sản xuất, thực hiện tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm:

- Tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ nhằm sử dụng các nguồn vật tư thay thế có giá thấp nhưng vẫn duy trì ổn định chất lượng để tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm.
- Rà soát lại các quy trình công nghệ, các đơn pha chế, thiết kế sản phẩm và ban hành mới các định mức kỹ thuật theo hướng tiên tiến, sát thực tế, phấn đấu giảm hao hụt trong các công đoạn sản xuất, giảm tỷ lệ sản phẩm phế...nhằm tiết giảm tối đa các chi phí sản xuất.
- Bố trí thời gian sản xuất khoa học, hợp lý, tận dụng triệt để giờ sản xuất phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị, đặc biệt chú trọng chương trình hành động tiết kiệm năng lượng.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị, dụng cụ công nghệ cần thiết phục vụ công tác thí nghiệm, kiểm tra, giám sát nguyên vật liệu đầu vào, nhằm ổn định chất lượng vật tư, bán thành phẩm phục vụ sản xuất.
- Tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng ngừng sản xuất do hư hỏng thiết bị, phấn đấu tiết giảm chi phí sửa chữa tại các Xí nghiệp sản xuất, góp phần giảm chi phí quản lý chung của Công ty.
- Sản xuất phải tuân thủ theo kế hoạch về sản lượng, quy cách, chủng loại sản phẩm đã đề ra theo từng tháng, nhằm đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường, đảm bảo tồn kho hợp lý, hạn chế đến mức thấp nhất giá trị thành phẩm tồn kho.
- Phát động phong trào thi đua tăng năng suất lao động, thực hành tiết kiệm tại tất cả các đơn vị trong toàn Công ty thông qua các chương trình hành động cụ thể, thiết thực và hiệu quả.
- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm tạo ra giá trị gia tăng trong sản phẩm, tăng hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

## **Công tác Bán hàng**

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ làm công tác bán hàng nhằm đáp ứng yêu cầu đầu tư, phát triển của Công ty và xu thế hội nhập toàn cầu.
- Tiếp tục củng cố, duy trì và không ngừng phát triển hệ thống kênh phân phối và khách hàng trong nước. Đặc biệt chú trọng đến công tác xuất khẩu, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu năm 2014 đạt trên 25 triệu USD tăng trên 60% so với năm 2013.
- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ những dòng sản phẩm chủ lực, đang là lợi thế riêng có của DRC như: lốp ô tô radial, lốp ô tô tải phục vụ công trường, lốp nông nghiệp và lốp ô tô đặc chủng...



- Đặc biệt chú trọng công tác quản lý tiền hàng trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn như hiện nay, phần đầu không để phát sinh nợ khó đòi, không để xảy ra tình trạng thất thoát tiền hàng trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.
- Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới cần phải quan tâm và đầu tư hơn nữa nhằm đáp ứng một cách nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả những nhu cầu mới, cơ hội mới của thị trường.
- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng xác định đây là nhiệm vụ quan trọng để tạo ra lợi thế cạnh tranh của thương hiệu DRC so với các sản phẩm cùng loại trong và ngoài nước.
- Xây dựng chương trình Marketing trung và dài hạn nhằm quảng bá, định vị thương hiệu DRC trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á và trên toàn cầu.

### **Công tác Tài chính**

- Tiếp tục phát huy vai trò tham mưu cho Ban điều hành triển khai một cách có hiệu quả các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.
- Phối hợp với các đơn vị xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý tiền hàng, công nợ, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn.
- Tính toán, cân đối hợp lý các nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD có hiệu quả.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các hành các quy định, chính sách của Nhà nước ở các đơn vị.
- Thực hiện thường xuyên việc phân tích kinh tế định kỳ nhằm kịp thời tham mưu cho Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động SXKD của Công ty.

### **Công tác đầu tư**

- Thực hiện hoàn thành dự án: “Di dời Xí nghiệp sãm lốp ô tô từ Bắc Mỹ An vào Khu công nghiệp Liên Chiểu” đúng tiến độ.
- Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 của dự án “Nhà máy sản xuất lốp xe tải radial công suất 600.000 lốp/năm”.
- Tăng cường hơn nữa việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc các Nhà thầu thực hiện đầy đủ các cam kết về tiến độ đầu tư, chất lượng công trình; sớm đưa các hạng mục đầu tư vào sử dụng.
- Phối hợp chặt chẽ với bộ phận tài chính kế toán trong việc cân đối nguồn vốn đầu tư và giải ngân phục vụ dự án một cách hiệu quả.

Bằng những giải pháp mang tính đột phá, cụ thể và thiết thực nêu trên, với sự nỗ lực và nhạy bén của Ban điều hành cùng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự quan tâm hỗ trợ của quý vị cổ đông, các khách hàng, Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng hoàn toàn tin tưởng và hy vọng sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc các mục tiêu của năm kế hoạch 2014.

# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2014





## **Đánh giá các mặt hoạt động của công ty**

Trong năm qua, tình hình thế giới và trong khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khủng hoảng tài chính kéo dài, kinh tế phục hồi chậm, khủng hoảng chính trị xảy ra ở nhiều nơi... đã tác động bất lợi đến kinh tế-xã hội nước ta. Trong nước, giá cả và lạm phát tăng cao; thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại nặng nề làm cho đời sống của đa số người dân gặp nhiều khó khăn. Sức mua tiêu dùng giảm, bên cạnh việc sản xuất kinh doanh của đa số doanh nghiệp trì trệ, nhiều đơn vị phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong tình hình đó, Chính phủ đã kịp thời có những chính sách phù hợp để kiềm chế lạm phát, duy trì sự ổn định của nền kinh tế và đảm bảo mục tiêu an sinh xã hội. Đối với Công ty, được sự tin tưởng của Quý cổ đông, bằng những nỗ lực lớn lao, Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV Công ty đã vượt qua mọi khó khăn, thách thức tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã đề ra.

Năm 2013, Công ty tiếp tục được công nhận là một trong 5 đơn vị có lợi nhuận cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Sản phẩm DRC được bình chọn “Hàng Việt Nam chất lượng cao”, “Hàng Việt Nam được người tiêu dùng ưa thích” trong 16 năm liền và sản phẩm DRC tiếp tục được UBND TP Đà Nẵng chọn làm sản phẩm chủ lực của Thành phố trong thời kỳ hội nhập. Đặc biệt, từ tháng 7/2012, mã chứng khoán DRC chính thức được Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh xếp vào danh sách 30 cổ phiếu có vốn hóa thị trường và tính thanh khoản cao nhất trên sàn giao dịch.

Công ty luôn có bước tăng trưởng khá ổn định và ấn tượng trong điều kiện rất khó khăn của nền kinh tế cả nước và của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, Công ty cùng lúc phải thực hiện các Dự án: “Nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial công suất 600.000 lốp/ năm”, Dự án “Di dời Xí nghiệp Ô tô từ Bắc Mỹ An lên Khu Công nghiệp Liên Chiểu”; vừa phải tổ chức sản xuất đảm bảo tốt nhu cầu tiêu thụ của thị trường cả trong và ngoài nước. Vì vậy, doanh thu và lợi nhuận đạt được trong năm qua là một nỗ lực lớn lao đáng được ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và tập thể CBCNV Công ty. Chúng tôi mong nhận được từ quý vị cổ đông sự nắm bắt tình hình trong bối cảnh chung của kinh tế Việt Nam và toàn cầu trong giai đoạn này và khách quan trong nhận xét đánh giá hoạt động của Công ty trong năm qua.

## Hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị được Đại hội cổ đông bầu ra thay mặt cổ đông quản lý Công ty và chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty theo Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan; làm việc theo nguyên tắc đa số nhất trí. Ngoài việc phải đảm bảo tính đồng thuận trong việc ra quyết định, các thành viên Hội đồng quản trị luôn trung thực và có ý kiến rõ ràng, độc lập đối với từng vấn đề đưa ra thảo luận tại cuộc họp để Hội đồng quản trị cân nhắc một cách cẩn trọng khi ra quyết định cuối cùng. Khi các ý kiến có sự khác biệt sẽ được phân tích, làm rõ và điều chỉnh để tìm được tiếng nói chung trên cơ sở vì lợi ích cao nhất của Công ty, của các cổ đông. Có thể nói, Hội đồng quản trị Công ty là một tập thể thống nhất, nhưng từng cá nhân vẫn là người phản biện tốt nhất cho Hội đồng quản trị nhằm đưa ra những quyết sách tích cực đáp ứng được nguyện vọng của cổ đông.

Hội đồng quản trị đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và hỗ trợ Ban điều hành, Ban Quản lý Dự án trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức triển khai các dự án trọng điểm. Do yêu cầu nhiệm vụ; căn cứ qui định pháp luật và Điều lệ Công ty, trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã miễn nhiệm và bầu thay thế hai thành viên - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Miễn nhiệm Tổng giám đốc Công ty do đến tuổi nghỉ hưu và giao nhiệm vụ phụ trách Ban Tổng Giám đốc, phụ trách Trưởng Ban quản lý dự án Công ty cho ông Nguyễn Thanh Bình - thành viên Hội đồng quản trị.

Mục tiêu phấn đấu của Hội đồng quản trị là chỉ đạo để Ban điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đã cam kết trước Đại hội cổ đông, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận.

Một phần quan trọng trong công tác của Hội đồng quản trị là hoạch định chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty. Về trung hạn, để thực hiện chủ trương của UBND Thành phố Đà Nẵng về thu hồi đất tại Bắc Mỹ An trong năm 2014 và hơn hết là để hoạt động sản xuất của Công ty tập trung nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong quản lý, điều hành, giảm thiểu các chi phí phát sinh, Công ty đã lập kế hoạch đầu tư hai dự án di dời Xí nghiệp sản xuất xe đạp xe máy, di dời Xí nghiệp sản xuất ô tô và phần còn lại. Dự án di dời Xn sản xuất xe đạp xe máy đã hoàn thành và phát huy hiệu quả cao; Dự án di dời Xn sản xuất ô tô và phần còn lại đang triển khai đúng tiến độ và phấn đấu không để thiếu hụt sản phẩm cho thị trường trong quá trình di dời. Các quyết định trên của Hội đồng quản trị trở nên cực kỳ chuẩn xác và đúng thời điểm nếu so sánh với tình hình kinh tế xã hội hiện nay.

Trong dài hạn, từ đầu nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đã vạch ra hướng phát triển chiến lược khi triển khai đầu tư công trình Dự án “Nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial công suất 600.000 lốp/ năm” giai đoạn I và định hướng đầu tư phát triển giai đoạn II. Dự án được khởi công từ năm 2011, sản xuất ra sản phẩm đầu tiên vào ngày 25/3/2013 và khánh thành đưa vào sử dụng ngày 29/6/2013. Dự kiến năm 2014 đạt 175.000 lốp/năm, sản lượng tăng dần theo các năm và đến năm 2018 đạt công suất 600.000 lốp/năm.

### **Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác**

Hội đồng quản trị thực hiện tốt quyền hạn và nhiệm vụ của mình, thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc. Tại các cuộc họp thường kỳ, Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá kết quả chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng. Hội đồng quản trị thường xuyên duy trì việc giám sát Tổng giám đốc thông qua kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và chất vấn tại các phiên họp. Công tác giám sát của Hội đồng quản trị giúp các hoạt động của Tổng Giám đốc, Ban điều hành được đồng bộ, liên tục và nhất quán trong quá trình quản lý, điều hành, tạo sự đồng thuận cao trong tập thể Ban lãnh đạo để Công ty đi đúng hướng, tuân thủ Điều lệ Công ty mà không ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành và của từng thành viên trong Ban điều hành. Với các cán bộ quản lý khác, Hội đồng quản trị căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, quá trình tổ chức thực hiện đối chiếu với kết quả hoàn thành để có chỉ đạo kịp thời.

Giám sát quá trình tác nghiệp của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong năm Công ty chưa phát hiện vi phạm Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như các qui định, qui chế nội bộ của Công ty.

## Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2014

Theo nhận định chung tình hình thế giới vẫn diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi nhưng chậm và còn nhiều khó khăn. Xu thế hội nhập quốc tế cận kề mở ra cho chúng ta nhiều cơ hội phát triển mới nhưng cũng đặt ra nhiều thử thách.

Trong nước, tình hình kinh tế có chuyển biến tích cực, đúng trọng tâm theo chỉ đạo và định hướng của Chính phủ. Tuy nhiên, thời gian tới dự đoán vẫn còn bất ổn và tiềm ẩn nhiều nguy cơ, sức cạnh tranh của nền kinh tế chúng ta còn thấp...

Mặc dù vậy, với mục tiêu chiến lược được xác định, Hội đồng quản trị quyết tâm vượt lên những thách thức, khó khăn để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty có hiệu quả. Tiếp tục đầu tư và áp dụng những tiến bộ kỹ thuật mới, phát huy tinh thần thi đua lao động sáng tạo của CBCNV; chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để có những cơ chế, giải pháp hợp lý nhằm thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

TT	Các chỉ tiêu	2014
1	GTSXCN ( tỷ đồng)	3.395
2	Tổng doanh thu tiêu thụ (tỷ đồng)	3.485
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	425

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT

Các hoạt động liên quan







## Hội đồng quản trị

Trong năm 2013 Hội đồng quản trị đã tổ chức 18 cuộc họp đề ra nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và hỗ trợ Ban điều hành, Ban Quản lý Dự án trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức triển khai các dự án trọng điểm.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Nguyễn Văn Hiệu	Chủ tịch	06	100%	Thôi Tv.HĐQT từ tháng 7/2013
02	Đình Ngọc Đạm	Thành viên	18	100%	
03	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	18	100%	
04	Nguyễn Mạnh Sơn	Thành viên	18	100%	
05	Hà Phước Lộc	Thành viên	18	100%	
06	Hoàng Mạnh Thắng	Thành viên	18	100%	
07	Phạm Ngọc Phú	Thành viên	18	100%	
08	Vũ Tiến Dũng	Chủ tịch	09	100%	Tv.HĐQT từ tháng 7 đến tháng 12/2013
09	Vũ Nhất Tâm	Chủ tịch	03	100%	Tv.HĐQT từ tháng 12/2013

Hội đồng quản trị thực hiện tốt quyền hạn và nhiệm vụ của mình, thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc, Ban điều hành Công ty. Tại các cuộc họp thường kỳ, Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá kết quả chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, Ban điều hành; quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành các hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền, thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

## Các Nghị quyết / Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	12/NQ-HĐQT	15/01/2013	Kết quả SXKD 2012, KHSXKD quý I/2013 và KH Đại hội đồng cổ đông năm 2013.
2	13/NQ-HĐQT	29/03/2013	Kết quả SXKD quý I/2013, KHSXKD quý II/2013 và phê duyệt chi phí QLDA radial năm 2013
3	01/NQ-HĐQT	05/04/2013	Phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu và chi trả cổ tức năm 2012.
4	02/NQ-HĐQT	06/05/2013	Phê duyệt KH mua sắm xe ô tô.
5	03/NQ-HĐQT	10/06/2013	Phê duyệt sửa đổi thiết kế thi công và dự toán một số hạng mục công trình và phê duyệt điều chỉnh KH đấu thầu một số gói thầu thuộc DA Di dời Xn ô tô từ Bắc Mỹ An vào KCN Liên Chiểu; bổ nhiệm KTT Công ty.
6	04/NQ-HĐQT	08/7/2014	Điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án di dời Xn sầm lốp ô tô
7	05/NQ-HĐQT	19/7/2013	Kết quả SXKD 6 tháng, KHSXKD quý III/2013; miễn nhiệm chức vụ TV-CT HĐQT của ông Nguyễn Văn Hiệu; bầu ông Vũ Tiến Dũng làm TV-CT HĐQT.
8	06/NQ-HĐQT	26/8/2013	Phê duyệt Quy chế quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung.
9	07/NQ-HĐQT	20/9/2013	Chủ trương mua 03 máy thành hình GĐI-Dự án radial.
10	08/NQ-HĐQT	23/10/2013	Kết quả SXKD 9 tháng, KHSXKD quý IV/2013; phê duyệt TK bản vẽ thi công và dự toán, phê duyệt KH đấu thầu mua bổ sung 3 máy thành hình GĐI-Dự án radial.
11	09/NQ-HĐQT	11/11/2013	Ủy quyền giao dịch ngân hàng; bổ sung ngành nghề; phê duyệt Quy chế quản lý, mua sắm vật tư.
12	10/NQ-HĐQT	22/11/2013	Ủy quyền giao dịch ngân hàng.
13	11/NQ-HĐQT	17/12/2013	Phê duyệt QT CBTT, đồng ý chủ trương trả tiền thuê đất.
14	12/NQ-HĐQT	25/12/2013	Ước kết quả SXKD năm 2013, dự kiến KHSX quý I/2014; miễn nhiệm chức vụ TV-CT HĐQT của ông Vũ Tiến Dũng; bầu ông Vũ Nhất Tâm làm TV-CT HĐQT; miễn nhiệm chức vụ TGD-TB QLDA của ông Đinh Ngọc Đạm; giao nhiệm vụ PT Ban TGD-PT Ban QLDA cho ông Nguyễn Thanh Bình; bổ sung chủ trương trả tiền thuê đất (nguồn chi).

**Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** *không có*

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.**

Họ tên	Chức vụ	Chứng chỉ
Nguyễn Thanh Bình	Tv.HĐQT kiêm Phó TGD phụ trách Ban TGD	Đạt chứng chỉ CEO
Nguyễn Mạnh Sơn	Tv.HĐQT kiêm Phó TGD	
Hà Phước Lộc	Tv.HĐQT kiêm Phó TGD	

## **BAN KIỂM SOÁT**

Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng được Đại hội cổ đông thông qua ngày 30/3/2013, Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội cổ đông về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013 và tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2009 – 2014 như sau:

### **Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013**

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban điều hành (BDH) Công ty và đưa ý kiến của Ban kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, cụ thể như sau:

- Giám sát các hoạt động của HĐQT thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các Quy chế, Quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty do HĐQT ban hành.
- Giám sát hoạt động của BDH thông qua việc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, thực hiện các quy chế của Công ty, các quy định của Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.
- Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, kế hoạch đầu tư xây dựng, kiểm soát báo cáo thực hiện đầu tư XD CB và báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty, xem xét các báo cáo kiểm toán của các công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định.

### **Nhận xét chung về hoạt động của Ban kiểm soát**

Năm 2013, Ban kiểm soát của đã hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông giao. Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc kiểm tra, kiểm soát định kỳ theo quy định về tình hình sản xuất, kinh doanh, về hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, về báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, các Biên bản làm việc của Ban đều được gửi cho HĐQT, BĐH Công ty.

Trong quá trình tham gia kiểm tra, kiểm soát, giám sát, Ban kiểm soát đã đóng góp ý kiến cho bộ máy điều hành của Công ty nhằm giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật.

### **Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty**

#### **Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty**

- Ban kiểm soát đồng ý với Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán ASC.
  - Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản:
    - + Dự án Di dời, đầu tư mở rộng xí nghiệp sấm lốp ô tô đang được Công ty tiếp tục thực hiện theo kế hoạch đã đề ra tại các Nghị quyết của HĐQT.
    - + Dự án Đầu tư sản xuất lốp Radial: Công ty đã thực hiện các nội dung như trong các Nghị quyết của HĐQT. Tháng 3 năm 2013 đã ra sản phẩm đầu tiên, trong năm 2013 Công ty đã đưa giai đoạn I của dự án vào sản xuất, các sản phẩm đã được các tổ chức quốc tế thẩm định và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế: DOT, EMARK, INMETRO...
- Tuy nhiên, dự án đã bị chậm tiến độ do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan.

#### **Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2013**

Nghị quyết HĐQT trong năm 2013 chủ yếu tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng của Công ty.

Ban Kiểm soát được mời tham dự những cuộc họp của HĐQT, qua đó Ban kiểm soát nhận thấy:

- Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp: Các Nghị quyết, Quyết định và văn bản của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT đã thể hiện mục tiêu của Đại hội cổ đông năm 2013, chỉ đạo về sản xuất kinh doanh hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2013 đề ra.
- Phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2013.
- Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 20% và bằng cổ phiếu 20% cho các cổ đông hiện hữu. Công ty đã chi trả và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên sàn giao dịch chứng khoán theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2013.

Ban kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2013 như báo cáo của HĐQT.

#### **Kiểm soát các nội dung hoạt động của Ban điều hành**

- Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT: Công ty đã thực hiện các nội dung theo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2013: Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh Đại hội cổ đông đề ra: doanh thu, lợi nhuận. Các chỉ tiêu cụ thể, đánh giá và nguyên nhân đã được nêu tại Báo cáo của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát nhất trí với nội dung Báo cáo của Tổng giám đốc.
- Các nội dung khác như chi phí đầu vào, các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hóa...Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Qua xem xét Ban kiểm soát thấy phù hợp, chưa phát hiện sai phạm.
- Các quy chế và quy định của Công ty phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty cổ phần đã được triển khai và hoạt động.

### **Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành**

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với HĐQT, BĐH trong các cuộc họp, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BĐH phù hợp với mục tiêu của HĐQT và các chính sách, chế độ quy định.

Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của HĐQT, BĐH, nhận được sự tạo điều kiện thuận lợi của các phòng ban trong Công ty trong việc cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra kiểm soát của Ban kiểm soát.

### **Ý kiến của các cổ đông**

Trong năm Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về hoạt động của Công ty năm 2013.

### **Ban kiểm soát nhận xét và kiến nghị**

Công ty cần đánh giá kết quả đầu tư giai đoạn I của dự án lớp Radial 600.000 lớp/năm để chuẩn bị cho công tác đầu tư giai đoạn II của dự án, rà soát các quy định về trình tự thủ tục đầu tư, xác định nguyên nhân khách quan và chủ quan trong việc chậm tiến độ giai đoạn I để rút kinh nghiệm và chấn chỉnh công tác đầu tư.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương + thù lao	Thưởng	Ghi chú	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
	Vũ Tiến Dũng	45.000.000	10.000.000	Đã miễn nhiệm		
	Nguyễn Văn Hiệu	45.000.000	60.000.000	Đã từ nhiệm		
	Đình Ngọc Đạm	805.010.977	176.586.600			
	Nguyễn Thanh Bình	626.730.850	151.049.850			
	Nguyễn Mạnh Sơn	588.084.650	151.049.850			Không có phát sinh
	Hà Phước Lộc	547.980.050	151.049.850			
	Hoàng Mạnh Thắng	78.000.000	30.000.000			
	Phạm Ngọc Phú	78.000.000	30.000.000			
<b>2</b>	<b>Ban kiểm soát</b>					
	Nguyễn Thị Vân Hoa	78.000.000	30.000.000			
	Phạm Ngọc Bách	317.620.451	136.049.850			
	Võ Đình Thanh	332.817.750	133.500.250			
<b>3</b>	<b>Ban điều hành</b>					
	Nguyễn Thanh Bình	-	-			
	Nguyễn Mạnh Sơn	-	-			
	Hà Phước Lộc	-	-			
	Phạm Quang Vinh	521.620.150	151.049.850			
<b>4</b>	<b>Kế toán trưởng</b>					
	Trần Thị Mỹ Lệ	372.030.150	133.500.250			

## **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2013**

(HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2013).

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Phạm Thị Hồng Hội	Nguyễn Văn Hiệu	399.097	0,58	654.916	0,79	Mua, bán, nhận cổ tức
2	Hoàng Mạnh Thắng		150.010	0,21	100.002	0,12	Mua, bán nhận cổ tức
3	Đình Ngọc Đạm		500.001	0,72	480.001	0,58	Bán, nhận cổ tức
4	Vũ Thị Hoàng Vóc	Nguyễn Thị Vân Hoa	-	-	-	-	Mua, bán, nhận cổ tức
5	Phạm Thị Anh Phương	Phạm Quang Vinh	9.000	0,01	-	-	Bán
6	Trần Thị Bích Đài	Phạm Quang Vinh	14.912	0,02	5.894	0,07	Bán, nhận cổ tức
7	Vũ Hồng Dương	Phạm Thị Quỳnh Nga	5.442	0,01	2	0	Bán
8	Phạm Ngọc Bách		51.072	0,06	30.072	0,04	Bán

**Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty). Không có**

**Giao dịch cổ đông lớn: Không có**

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có**



# CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN

Trong 2 năm qua công ty đã thực hiện tốt các cuộc vận động lớn, các phong trào công tác xã hội ở địa phương. Tổng số tiền đóng góp trên 700 triệu đồng. Trong đó: Xây 02 nhà tình nghĩa, 02 nhà tình thương, Ủng hộ quỹ vì người nghèo 100 triệu đồng, ủng hộ các đơn vị khác trên 70 triệu đồng, đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa hơn 30 triệu đồng, ủng hộ giúp các đối tượng chính sách 50 triệu đồng, bảo lụt, thăm hỏi tặng quà Trại thương binh nặng, Trung tâm nuôi dưỡng người có công Cách mạng nhân dịp 27/7 và Tết Nguyên đán. Đặc biệt hưởng ứng tốt cuộc vận động “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.



Hội nghị khách hàng 2013



Hội nghị khách hàng 2013



Tham gia triển lãm tại Lào với sự góp mặt của Thứ trưởng Bộ Công thương Lào và Việt Nam



Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2014 – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Xác nhận của người đại diện trước pháp luật

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban TGD



*Nguyễn Thanh Bình*

*Nguyễn Thanh Bình*

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2013**

---



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CAO SU ĐÀ NẴNG**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1- 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 8
• Báo cáo kết quả kinh doanh	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao Su Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Cao Su Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Cao su Đà Nẵng) theo Quyết định số 3241/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 10/10/2005. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000850 ngày 31/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0400101531) (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần gần nhất vào ngày 06/06/2013), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 830.738.490.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam chiếm tỷ lệ 50,51%.

Vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2013: 830.738.490.000 đồng

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29/12/2006 với mã chứng khoán là DRC.

Công ty có 3 Chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty CP Cao su Đà Nẵng tại Thành phố Hà Nội;
- Chi nhánh Miền Trung;
- Chi nhánh Công ty CP Cao su Đà Nẵng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 01 Lê Văn Hiến, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511.3847408
- Fax: (84) 0511.3836195
- Website: [www.drc.com.vn](http://www.drc.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa phân vào đâu: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su và vật tư thiết bị cho ngành công nghiệp cao su; Kinh doanh thương mại, dịch vụ tổng hợp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Chế tạo, lắp đặt thiết bị ngành công nghiệp cao su.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến 31/12/2013 là 1.749 người. Trong đó nhân viên quản lý 55 người.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### *Hội đồng quản trị*

• Ông Vũ Nhất Tâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/12/2013
• Ông Nguyễn Văn Hiệu	Chủ tịch	Trúng cử ngày 23/03/2009 Miễn nhiệm ngày 19/07/2013
• Ông Vũ Tiến Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19/07/2013 Miễn nhiệm ngày 25/12/2013
• Ông Đinh Ngọc Đạm	Thành viên	Trúng cử lại ngày 23/03/2009
• Ông Nguyễn Mạnh Sơn	Thành viên	Trúng cử lại ngày 23/03/2009
• Ông Hoàng Mạnh Thắng	Thành viên	Trúng cử ngày 30/03/2011
• Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	Trúng cử lại ngày 23/03/2009
• Ông Hà Phước Lộc	Thành viên	Trúng cử ngày 30/03/2011
• Ông Phạm Ngọc Phú	Thành viên	Trúng cử ngày 23/03/2009

### *Ban Kiểm soát*

• Bà Nguyễn Thị Vân Hoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23/03/2009
• Ông Võ Đình Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/03/2009
• Ông Phạm Ngọc Bách	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/03/2009

### *Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng*

• Ông Đinh Ngọc Đạm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23/03/2009 Miễn nhiệm ngày 01/01/2014
• Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Ban Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2014
• Ông Hà Phước Lộc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23/03/2009
• Ông Nguyễn Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23/03/2009
• Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23/03/2009
• Bà Trần Thị Mỹ Lệ	Trưởng phòng TCKT Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/01/2012 Bổ nhiệm ngày 01/06/2013

### **Kiểm toán độc lập**

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 04, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn).

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Ban Giám đốc



**Nguyễn Thanh Bình**  
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2014





# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

## THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hai Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dnng.vn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 145/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10/03/2014 của Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 32.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 01.13.06 ngày 04/03/2013 về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



**Trần Thị Thu Hiền**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ hành nghề số 0753-2013-010-1

**Đinh Thị Ngọc Thùy**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ hành nghề số 1463-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.298.051.023.914</b>	<b>1.044.042.991.451</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>54.436.758.037</b>	<b>75.550.179.665</b>
1. Tiền	111	5	32.436.758.037	20.550.179.665
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	22.000.000.000	55.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>333.522.071.166</b>	<b>211.922.629.104</b>
1. Phải thu khách hàng	131		257.035.050.387	151.899.336.160
2. Trả trước cho người bán	132		78.178.702.157	60.879.059.359
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.385.788.825	2.208.057.434
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(3.077.470.203)	(3.063.823.849)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>901.364.221.066</b>	<b>712.406.624.020</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	901.364.221.066	712.406.624.020
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.727.973.645</b>	<b>44.163.558.662</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	8.001.680.869	396.960.883
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	41.964.691.069
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	726.292.776	1.801.906.710
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.889.686.289.315</b>	<b>1.434.047.052.771</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.845.903.064.757</b>	<b>1.406.077.336.476</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.716.450.988.789	176.405.174.005
- Nguyên giá	222		2.353.764.866.987	736.272.572.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(637.313.878.198)	(559.867.398.815)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.076.496.898	1.422.434.026
- Nguyên giá	228		4.011.518.506	3.722.868.506
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.935.021.608)	(2.300.434.480)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	128.375.579.070	1.228.249.728.445
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.277.493.543</b>	<b>8.180.686.655</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	15	8.180.686.655	8.180.686.655
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(903.193.112)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>36.505.731.015</b>	<b>19.789.029.640</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	36.505.731.015	19.789.029.640
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.187.737.313.229</b>	<b>2.478.090.044.222</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.807.988.888.175</b>	<b>1.308.609.672.018</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>933.846.099.255</b>	<b>537.544.130.541</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	544.334.100.930	117.176.806.771
2. Phải trả người bán	312		147.437.663.089	176.589.583.521
3. Người mua trả tiền trước	313		1.982.982.231	3.667.563.480
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	33.271.016.023	32.249.875.306
5. Phải trả người lao động	315		60.331.096.214	39.477.039.156
6. Chi phí phải trả	316	19	19.828.128.049	15.356.606.561
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	120.716.446.304	119.657.353.032
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	21.600.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.944.666.415	11.769.302.714
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>874.142.788.920</b>	<b>771.065.541.477</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	874.111.488.920	771.034.241.477
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		31.300.000	31.300.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.379.748.425.054</b>	<b>1.169.480.372.204</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.379.741.445.460</b>	<b>1.169.400.979.299</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	830.738.490.000	692.289.450.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	3.281.000.000	3.281.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	118.781.468.891	103.175.037.328
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	25.218.399.741	26.372.578.519
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	22	25.489.109.732	9.882.678.169
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	376.232.977.096	334.400.235.283
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>6.979.594</b>	<b>79.392.905</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		6.979.594	79.392.905
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.187.737.313.229</b>	<b>2.478.090.044.222</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU		31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	242.960.970	242.960.970
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	978.198.994	978.198.994
3. Ngoại tệ các loại			
<i>Ngoại tệ USD</i>		4.622,72	96.368,03
<i>Ngoại tệ SGD</i>		419,04	441,12
<i>Ngoại tệ EUR</i>		237,62	248,54

Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Bình

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Lệ

Người lập biểu

Phạm Thị Quỳnh Nga

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	23	2.911.127.672.766	2.895.509.201.367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	107.227.036.707	110.575.419.540
3. Doanh thu thuần về bán hàng & c.cấp dịch vụ	10	23	2.803.900.636.059	2.784.933.781.827
4. Giá vốn hàng bán	11	24	2.086.910.894.543	2.190.919.635.521
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & c.cấp dịch vụ	20		<b>716.989.741.516</b>	<b>594.014.146.306</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	11.006.032.339	4.164.176.437
7. Chi phí tài chính	22	26	85.395.230.621	44.773.024.457
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>39.384.042.131</i>	<i>8.791.925.492</i>
8. Chi phí bán hàng	24		74.433.886.835	59.891.566.893
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		70.476.210.315	81.971.929.348
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>497.690.446.084</b>	<b>411.541.802.045</b>
11. Thu nhập khác	31	27	4.382.868.520	7.114.806.504
12. Chi phí khác	32	28	1.393.465.859	1.540.167.088
13. Lợi nhuận khác	40		<b>2.989.402.661</b>	<b>5.574.639.416</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	<b>500.679.848.745</b>	<b>417.116.441.461</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	125.257.023.305	104.987.810.201
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	<b>375.422.825.440</b>	<b>312.128.631.260</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.519	5.355

Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Bình

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Lệ

Người lập biểu

Phạm Thị Quỳnh Nga

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	2.921.544.264.550	3.052.079.038.015
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(2.294.761.319.533)	(2.011.440.789.788)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(198.968.845.336)	(126.304.986.512)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(36.969.611.551)	(48.899.909.828)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(125.433.751.611)	(92.464.007.743)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	52.263.058.692	373.123.652.510
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(168.920.230.391)	(591.861.800.599)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>148.753.564.820</b>	<b>554.231.196.055</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(567.137.644.502)	(722.146.246.733)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	454.733.500	402.646.040
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.837.894.268	1.068.785.358
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(561.845.016.734)</b>	<b>(720.674.815.335)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.495.914.641.875	1.743.287.830.591
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.965.484.715.322)	(1.579.420.381.284)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(138.452.347.700)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>391.977.578.853</b>	<b>163.867.449.307</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(21.113.873.061)</b>	<b>(2.576.169.973)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	75.550.179.665	78.140.124.458
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	451.433	(13.774.820)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>54.436.758.037</b>	<b>75.550.179.665</b>

Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Bình

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Lệ

Người lập biểu

Phạm Thị Quỳnh Nga

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Cao Su Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Cao su Đà Nẵng) theo Quyết định số 3241/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 10/10/2005. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000850 ngày 31/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0400101531) (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần gần nhất vào ngày 06/06/2013), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty có 3 Chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty CP Cao su Đà Nẵng tại Thành phố Hà Nội;
- Chi nhánh Miền Trung;
- Chi nhánh Công ty CP Cao su Đà Nẵng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa phân vào đâu: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su và vật tư thiết bị cho ngành công nghiệp cao su; Kinh doanh thương mại, dịch vụ tổng hợp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Chế tạo, lắp đặt thiết bị ngành công nghiệp cao su.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chứng từ.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### 4.7 Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3 - 5

### 4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.11 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

chấn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với mặt hàng sẫm lớp các loại, các mặt hàng khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.14 Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## 5. Tiền

	31/12/2013		31/12/2012	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
- Tiền mặt tại quỹ (VND)		192.439.243		65.056.640
- Tiền gửi ngân hàng		32.244.318.794		20.485.123.025
+ VND		32.133.056.541		18.465.123.320
+ USD	4.622,72	97.448.431	96.368,03	2.005.743.942
+ SGD	419,04	6.949.042	441,12	7.452.987
+ EUR	237,62	6.864.780	248,54	6.802.776
<b>Cộng</b>		<b>32.436.758.037</b>		<b>20.550.179.665</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	22.000.000.000	55.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>

### 7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	176.841.294
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	784.066.002	884.024.170
Phải thu người lao động	103.659.852	-
Lãi dự thu	85.611.110	-
Phải thu khác	412.451.861	1.147.191.970
<b>Cộng</b>	<b>1.385.788.825</b>	<b>2.208.057.434</b>

### 8. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	2.708.888.171	2.652.387.971
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	368.582.032	180.245.370
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu 1 năm đến 2 năm	-	231.190.508
<b>Cộng</b>	<b>3.077.470.203</b>	<b>3.063.823.849</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 9. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	41.196.405.429	21.556.148.860
Nguyên liệu, vật liệu	315.189.980.660	312.596.299.456
Công cụ, dụng cụ	45.542.502	43.828.867
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.439.585.263	22.253.750.226
Thành phẩm	500.185.725.070	354.952.310.887
Hàng hóa	1.306.982.142	1.004.285.724
<b>Cộng</b>	<b>901.364.221.066</b>	<b>712.406.624.020</b>

### 10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.575.661.010	-
Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị	1.422.659.859	396.960.883
Chi phí khuôn	3.360.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.001.680.869</b>	<b>396.960.883</b>

### 11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	31.900.096	132.178.610
Tạm ứng	178.171.000	1.669.728.100
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	516.221.680	-
<b>Cộng</b>	<b>726.292.776</b>	<b>1.801.906.710</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	120.010.114.877	602.255.375.219	12.541.936.997	1.465.145.727	736.272.572.820
Trình bày lại	(106.222.187)	572.699.459	(397.850.000)	(68.627.272)	-
Mua trong năm	-	5.465.504.286	1.741.267.909	120.670.999	7.327.443.194
ĐT XDCB h/thành	563.095.320.305	1.034.192.861.544	16.968.817.801	-	1.614.256.999.650
T/lý, n.bán	-	538.486.396	671.643.571	-	1.210.129.967
Giảm khác (*)	70.578.007	1.650.152.600	-	1.161.288.103	2.882.018.710
<b>Số cuối năm</b>	<b>682.928.634.988</b>	<b>1.640.297.801.512</b>	<b>30.182.529.136</b>	<b>355.901.351</b>	<b>2.353.764.866.987</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	49.710.994.755	503.071.021.835	6.080.914.631	1.004.467.594	559.867.398.815
Trình bày lại	(15.296.943)	(156.713.276)	172.010.219	-	-
Khấu hao trong năm	15.533.083.489	63.268.732.479	2.182.102.808	144.851.688	81.128.770.464
T/lý, n.bán	-	538.486.396	671.643.571	-	1.210.129.967
Giảm khác (*)	56.999.744	1.521.407.810	-	893.753.560	2.472.161.114
<b>Số cuối năm</b>	<b>65.171.781.557</b>	<b>564.123.146.832</b>	<b>7.763.384.087</b>	<b>255.565.722</b>	<b>637.313.878.198</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	70.299.120.122	99.184.353.384	6.461.022.366	460.678.133	176.405.174.005
<b>Số cuối năm</b>	<b>617.756.853.431</b>	<b>1.076.174.654.680</b>	<b>22.419.145.049</b>	<b>100.335.629</b>	<b>1.716.450.988.789</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 440.886.343.611 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2013: 1.602.633.354.690 đồng.

(\*) Giảm khác là do tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn ghi nhận theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	791.638.560	2.931.229.946	3.722.868.506
Tăng trong năm	-	313.650.000	313.650.000
Giảm khác	-	25.000.000	25.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>791.638.560</b>	<b>3.219.879.946</b>	<b>4.011.518.506</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	2.300.434.480	2.300.434.480
Khấu hao trong năm	-	640.837.133	640.837.133
Giảm khác	-	6.250.005	6.250.005
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>2.935.021.608</b>	<b>2.935.021.608</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	791.638.560	630.795.466	1.422.434.026
<b>Số cuối năm</b>	<b>791.638.560</b>	<b>284.858.338</b>	<b>1.076.496.898</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 2.765.329.946 đồng.

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án sản xuất lốp xe Radial 600.000 lốp/năm	-	1.205.484.370.336
Dự án di dời xí nghiệp ô tô	124.427.984.353	18.859.292.700
Mua sắm Tài sản cố định	1.099.150.000	429.000.000
Chi phí sửa chữa lớn	2.848.444.717	3.458.883.591
Chi phí tư vấn thiết kế nhà nội bộ và thí nghiệm cơ lý	-	18.181.818
<b>Cộng</b>	<b>128.375.579.070</b>	<b>1.228.249.728.445</b>

### 15. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	8.180.686.655	8.180.686.655
<b>Cộng</b>	<b>8.180.686.655</b>	<b>8.180.686.655</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng góp vốn cùng Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, PCBL Netherlands Holdings BV thành lập Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam. Trong đó, Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng góp 5% vốn điều lệ.

### 16. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	-	146.385.969
Tiền thuê đất xây dựng nhà máy sản xuất lốp Radial	7.533.795.088	7.608.733.776
Tiền thuê đất xây dựng Xí nghiệp sản lốp xe đạp xe máy	6.870.431.357	7.078.816.552
Tiền thuê đất mở rộng mặt bằng Công ty	2.358.429.770	2.429.968.612
Chi phí chờ phân bổ của Dự án Radial 600.000 lốp/năm	19.743.074.800	2.525.124.731
<b>Cộng</b>	<b>36.505.731.015</b>	<b>19.789.029.640</b>

### 17. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	VND	USD	VND
Vay ngắn hạn		539.139.500.930		117.176.806.771
NH Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng		26.872.567.750		-
NH TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Đà Nẵng		20.835.344.181		-
NH Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng		112.631.186.740		-
NH Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng		-	792.840,69	16.502.978.959
NH Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn		105.369.521.144		38.258.952.597
NH Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn	4.745.143,24	99.980.168.067	249.009,01	5.183.122.538
NH Đầu tư và Phát triển Hải Vân	466.318,43	9.832.324.097	419.704,00	8.729.843.202
NH TNHH MTV HSBC Việt Nam		113.176.551.279		5.691.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam		-	1.476.977,87	30.735.909.475
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam		24.829.399.837		12.075.000.000
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	1.217.900,04	25.612.437.835		-
Nợ dài hạn đến hạn trả		5.194.600.000		-
Quý đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng		5.194.600.000		-
<b>Cộng</b>		<b>544.334.100.930</b>		<b>117.176.806.771</b>

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.197.869.023	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.073.147.000	32.249.875.306
<b>Cộng</b>	<b>33.271.016.023</b>	<b>32.249.875.306</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 19. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trích trước chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán	17.405.471.708	15.356.606.561
Lãi vay dự trả	2.414.430.580	-
Chi phí phải trả khác	8.225.761	-
<b>Cộng</b>	<b>19.828.128.049</b>	<b>15.356.606.561</b>

### 20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	35.110.309	4.100.537
Kinh phí công đoàn	989.671.459	1.506.632.210
Bảo hiểm xã hội, y tế	30.115.254	4.821.553
Các khoản phải trả, phải nộp khác	119.661.549.282	118.141.798.732
+ Tiền đền bù di dời (@)	117.172.416.041	117.172.416.041
+ Cổ tức phải trả	5.542.300	-
+ Quỹ an sinh xã hội	969.919.932	-
+ Phải trả khác	1.513.671.009	969.382.691
<b>Cộng</b>	<b>120.716.446.304</b>	<b>119.657.353.032</b>

(@) Là khoản tiền mà Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng đền bù và hỗ trợ cho việc giải tỏa và di dời Xí nghiệp sấm lốp ô tô lên KCN Liên Chiểu. Khoản đền bù này sẽ bù đắp chi phí liên quan di dời đang theo dõi trên chi phí xây dựng cơ bản dở dang khi hoàn thành.

### 21. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 USD	31/12/2013 VND	31/12/2012 USD	31/12/2012 VND
Vay dài hạn		874.111.488.920		771.034.241.477
NH Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn		270.091.031.545		311.557.774.400
NH Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn	26.078.072,45	549.477.895.375	22.074.295,80	459.476.467.077
Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng		54.542.562.000		-
<b>Cộng</b>		<b>874.111.488.920</b>		<b>771.034.241.477</b>

Vay dài hạn Ngân hàng Công thương theo hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay số 01/2010/Radial ngày 06/08/2010 với thời hạn vay: 108 tháng và phương thức cho vay:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

theo dự án đầu tư. Mục đích sử dụng tiền vay: “Đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy sản xuất lốp Radial công suất 600.000 lốp/năm”. Lãi suất cho vay: Lãi suất tham chiếu VND + 3%/năm, lãi suất tham chiếu USD + 2,5%/năm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

+ Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 02/11/2012 sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 01/2010 ngày 06/08/2010. Hai bên thống nhất thay đổi một số điều khoản về hạn mức cho vay và tỷ lệ cam kết.

+ Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 02 ngày 27/12/2012 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 01/2010 ngày 06/08/2010. Hai bên thống nhất sửa đổi, bổ sung một số điều khoản về thời hạn giải ngân và ngày hết hạn rút vốn.

+ Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 21/01/2013 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 01/2010 ngày 06/08/2010. Hai bên thống nhất sửa đổi, bổ sung một số điều khoản về ngày kết thúc thời gian ân hạn và ngày thanh toán lãi vay. Thời hạn vay của Hợp đồng này là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên giai đoạn I, trong đó thời gian ân hạn gốc là 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay số 01/2012/HĐTĐ-AFD ngày 04/12/2012 với thời hạn vay: 84 tháng và phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Mục đích sử dụng tiền vay: Tài trợ chi phí xây dựng và thiết bị đầu tư bổ sung dự án di dời Xí nghiệp Săm lốp ô tô. Lãi suất cho vay: 12,5%/năm, trong trường hợp lãi suất cho vay theo quy định của UBND thành phố có thay đổi thì hai bên cùng thảo luận. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	461.538.650.000	3.281.000.000	139.435.519.159	29.870.059.272	-	243.456.885.431
Tăng trong năm	230.750.800.000	-	9.882.678.169	-	9.882.678.169	312.128.631.260
Giảm trong năm	-	-	46.143.160.000	3.497.480.753	-	221.185.281.408
Số dư tại 31/12/2012	<u>692.289.450.000</u>	<u>3.281.000.000</u>	<u>103.175.037.328</u>	<u>26.372.578.519</u>	<u>9.882.678.169</u>	<u>334.400.235.283</u>
Số dư tại 01/01/2013	692.289.450.000	3.281.000.000	103.175.037.328	26.372.578.519	9.882.678.169	334.400.235.283
Tăng trong năm	138.449.040.000	-	15.606.431.563	-	15.606.431.563	375.422.825.440
Giảm trong năm	-	-	-	1.154.178.778	-	333.590.083.627
Số dư tại 31/12/2013	<u>830.738.490.000</u>	<u>3.281.000.000</u>	<u>118.781.468.891</u>	<u>25.218.399.741</u>	<u>25.489.109.732</u>	<u>376.232.977.096</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Cổ phiếu

	31/12/2013	31/12/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	83.073.849	69.228.945
- Cổ phiếu thường	83.073.849	69.228.945
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.073.849	69.228.945
- Cổ phiếu thường	83.073.849	69.228.945
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	334.400.235.283	243.456.885.431
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	375.422.825.440	312.128.631.260
<b>Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế</b>	<b>333.590.083.627</b>	<b>221.185.281.408</b>
+ Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	333.590.083.627	221.185.281.408
- Chi cổ tức bằng tiền mặt	138.457.890.000	184.607.640.000
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	138.449.040.000	-
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	15.606.431.563	9.882.678.169
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	24.970.290.501	15.812.285.070
- Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	15.606.431.563	9.882.678.169
- Trích Quỹ khen thưởng của Ban điều hành	500.000.000	1.000.000.000
+ Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>376.232.977.096</b>	<b>334.400.235.283</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 30/03/2013.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 23. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.911.127.672.766</b>	<b>2.895.509.201.367</b>
+ Doanh thu bán sản phẩm lốp xe đạp	188.616.801.644	185.969.307.968
+ Doanh thu bán sản phẩm lốp xe máy	237.186.366.044	232.513.254.371
+ Doanh thu bán sản phẩm lốp xe ô tô	2.337.730.440.447	2.394.114.493.603
+ Doanh thu bán sản phẩm lốp xe ô tô radial	89.517.021.376	-
+ Doanh thu cao su kỹ thuật	5.506.916.835	4.927.801.516
+ Doanh thu khác	52.570.126.420	77.984.343.909
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>107.227.036.707</b>	<b>110.575.419.540</b>
+ Chiết khấu thương mại	95.595.240.047	98.789.129.690
+ Hàng bán bị trả lại	10.239.390.807	11.786.289.850
+ Giảm giá hàng bán	1.392.405.853	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.803.900.636.059</b>	<b>2.784.933.781.827</b>

### 24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán sản phẩm lốp xe đạp	149.632.150.188	151.009.122.669
Giá vốn bán sản phẩm lốp xe máy	178.549.773.335	186.587.598.708
Giá vốn bán sản phẩm lốp xe ô tô	1.640.276.814.727	1.791.874.586.545
Giá vốn bán sản phẩm lốp xe ô tô radial	79.530.026.180	-
Giá vốn cao su kỹ thuật	2.288.144.658	2.272.773.837
Giá vốn khác	36.633.985.455	59.175.553.761
<b>Cộng</b>	<b>2.086.910.894.543</b>	<b>2.190.919.635.521</b>

### 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.923.505.378	1.068.785.358
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.837.297.546	2.963.259.834
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	245.229.415	132.131.245
<b>Cộng</b>	<b>11.006.032.339</b>	<b>4.164.176.437</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 26. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	39.384.042.131	8.791.925.492
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	15.670.051.007	32.369.045.410
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.437.944.371	2.895.153.858
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	716.899.697
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	903.193.112	-
<b>Cộng</b>	<b>85.395.230.621</b>	<b>44.773.024.457</b>

### 27. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thanh lý TSCĐ	454.733.500	366.041.855
Thu nhập từ bán phế liệu	2.940.099.901	4.635.158.279
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	875.074.800
Xử lý thừa sau kiểm kê	210.302.117	702.727.386
Thu tiền điện nước	683.833.002	-
Thu tiền cho thuê văn phòng	93.900.000	-
Thu nhập khác	-	535.804.184
<b>Cộng</b>	<b>4.382.868.520</b>	<b>7.114.806.504</b>

### 28. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thu gom phế liệu	782.580.466	921.229.595
Thù lao HĐQT & BKS	324.000.000	-
Thuế GTGT không được hoàn	100.534.638	-
Chi phí khác của dự án radial	125.380.000	-
Chi phí khác	60.970.755	618.937.493
<b>Cộng</b>	<b>1.393.465.859</b>	<b>1.540.167.088</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	500.679.848.745	417.116.441.461
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.708.436.644)	94.747.578
+ Điều chỉnh tăng	404.420.550	596.123.450
- Thuế lao HĐQT không tham gia điều hành	324.000.000	442.500.000
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá SDCK TK tiền và nợ phải thu năm 2012	19.913.550	-
- Chi phí không hợp lý khác	60.507.000	153.623.450
+ Điều chỉnh giảm	2.112.857.194	(501.375.872)
- Thu nhập do KTNN đã điều chỉnh tính thuế	2.056.681.117	(501.375.872)
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá SDCK TK tiền và nợ phải thu	56.176.077	-
Tổng thu nhập chịu thuế	498.971.412.101	417.211.189.039
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (25%)	124.742.853.026	104.302.797.260
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	514.170.279	685.012.941
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>375.422.825.440</b>	<b>312.128.631.260</b>

### 30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	375.422.825.440	312.128.631.260
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	375.422.825.440	312.128.631.260
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	83.073.849	58.291.989
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.519</b>	<b>5.355</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.903.576.801.587	1.873.841.055.105
Chi phí nhân công	215.812.290.360	180.133.931.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.697.194.286	48.862.967.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.456.519.849	35.757.190.697
Chi phí khác bằng tiền	119.670.925.926	119.277.227.177
<b>Cộng</b>	<b>2.375.213.732.008</b>	<b>2.257.872.371.935</b>

### 32. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá hàng hóa, nguyên liệu.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Do có các giao dịch mua hàng, bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền		
Đô la Mỹ (USD)	4.622,72	96.368,03
Đô la Singapore (SGD)	419,04	441,12
Euro (EUR)	237,62	248,54
Phải thu khách hàng (USD)	1.663.611,32	660.490,99
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ (USD)	32.507.434,16	25.012.827,37
Phải trả người bán (USD)	33.015,50	21.345,50

### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu

Công ty mua hàng hóa, nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa, nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tài chính là một số khoản nợ phải thu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng chính sách bán hàng và thu hồi công nợ áp dụng cho các nhà phân phối. Để hạn chế công nợ chậm thanh toán Công ty đã thực hiện mức chiết khấu thanh toán cho các nhà phân phối với các tỷ lệ trên số dư nợ cuối tháng. Với những khách hàng mới, Công ty tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiền hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>31/12/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	544.334.100.930	874.111.488.920	1.418.445.589.850
Phải trả người bán	147.437.663.089	-	147.437.663.089
Chi phí phải trả	19.828.128.049	-	19.828.128.049
Phải trả khác	1.519.213.309	-	1.519.213.309
<b>Cộng</b>	<b><u>713.119.105.377</u></b>	<b><u>874.111.488.920</u></b>	<b><u>1.587.230.594.297</u></b>
<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	117.176.806.771	771.034.241.477	888.211.048.248
Phải trả người bán	176.589.583.521	-	176.589.583.521
Chi phí phải trả	15.356.606.561	-	15.356.606.561
Phải trả khác	969.382.691	-	969.382.691
<b>Cộng</b>	<b><u>310.092.379.544</u></b>	<b><u>771.034.241.477</u></b>	<b><u>1.081.126.621.021</u></b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên các khoản nợ phải trả của Công ty có sự gắn liền với dự án sản xuất sản phẩm lốp Radial 600.000 lốp/năm. Tại thời điểm 31/12/2013, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng rủi ro thanh khoản không ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>31/12/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.436.758.037	-	54.436.758.037
Phải thu khách hàng	254.099.880.384	-	254.099.880.384
Đầu tư tài chính	-	7.277.493.543	7.277.493.543
Phải thu khác	498.062.971	-	498.062.971
Tài sản tài chính khác	516.221.680	-	516.221.680
<b>Cộng</b>	<b>309.550.923.072</b>	<b>7.277.493.543</b>	<b>316.828.416.615</b>
<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.550.179.665	-	75.550.179.665
Phải thu khách hàng	148.835.512.311	-	148.835.512.311
Đầu tư tài chính	-	8.180.686.655	8.180.686.655
Phải thu khác	1.147.191.970	-	1.147.191.970
<b>Cộng</b>	<b>225.532.883.946</b>	<b>8.180.686.655</b>	<b>233.713.570.601</b>

### 33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sắm lốp xe ô tô, xe máy, xe đạp và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 34. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan:

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Công nghiệp Cao Su Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Cao su Sao Vàng	Chung Công ty đầu tư
Công ty TNHH MTV Vật Tư và XNK Hóa Chất	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Phân Lân Nung Chảy Văn Điển	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Thiết Kế Công Nghiệp Hóa Chất	Chung Công ty đầu tư

#### b. Các giao dịch với các bên liên quan

Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty CP Công nghiệp Cao Su Miền Nam	-	1.013.100.000
Công ty CP Cao su Sao Vàng	824.650.200	191.664.000
Công ty TNHH MTV Vật Tư và XNK Hóa Chất	6.674.184.969	476.651.987
Công ty CP Phân Lân Nung Chảy Văn Điển	148.525.862	-
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Công nghiệp Cao Su Miền Nam	1.783.980.000	944.958.608
Công ty CP Cao su Sao Vàng	301.416.328	-
Công ty CP Thiết Kế Công Nghiệp Hóa Chất	975.200.000	7.375.600.000

#### c. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản nợ phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Nợ phải thu</b>		
Công ty CP Công nghiệp Cao Su Miền Nam	-	1.566.891.392
Công ty CP Cao su Sao Vàng	-	-
Công ty TNHH MTV Vật Tư và XNK Hóa Chất	1.456.284.996	476.651.987
Công ty Cổ Phần Phân Lân Nung Chảy Văn Điển	-	-
<b>Nợ phải trả</b>		
Công ty CP Công nghiệp Cao Su Miền Nam	217.088.608	-
Công ty CP Cao su Sao Vàng	301.416.328	-
Công ty CP Thiết Kế Công Nghiệp Hóa Chất	381.600.000	16.960.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 36. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Các Báo cáo này đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Mỹ Lệ

Người lập biểu



Phạm Thị Quỳnh Nga

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2014